

# MỤC LỤC

1. ĐẠO ĐỨC NGHỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM .....	1
2. THUẬT NGỮ BẢO HIỂM .....	3
3. NGUYÊN TẮC BẢO HIỂM .....	7
4. PHÂN LOẠI BẢO HIỂM.....	9
5. BẢO HIỂM NHÂN THỌ .....	11
6. LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM .....	26
7. ĐẠI LÝ BẢO HIỂM .....	45
8. SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG CHI TRẢ QUA BA GIAI ĐOẠN MỞ RỘNG.....	62
9. CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ .....	68
Trợ cấp y tế – Đóng phí ngắn hạn .....	68
Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn .....	70
Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – Đóng phí ngắn hạn.....	72
Tử vong – Đóng phí ngắn hạn.....	73
Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH.....	75
10. ĐÁP ÁN .....	77

## 1. ĐẠO ĐỨC NGHỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

1. Nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm:
  - A. Giải thích trung thực các thông tin về sản phẩm bảo hiểm để bên mua bảo hiểm hiểu rõ sản phẩm bảo hiểm dự định mua.
  - B. Không được tiết lộ, cung cấp thông tin làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm.
  - C. A, B đúng.
  - D. A, B sai.
2. Chọn phương án sai về đạo đức nghề nghiệp của đại lý bảo hiểm:
  - A. Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng.
  - B. Thường xuyên giữ mối liên hệ, thăm hỏi quan tâm chăm sóc khách hàng.
  - C. Phong cách phục vụ khách hàng tận tụy, miễn cưỡng.
  - D. Dùng hoa hồng đại lý bảo hiểm để giảm phí bảo hiểm cho khách hàng.
3. Phương án nào sau đây đúng khi đại lý bảo hiểm tư vấn cho khách hàng:
  - A. Cung cấp mập mờ, khó hiểu về những điều khoản loại trừ bảo hiểm.
  - B. Bảo đảm khách hàng hiểu rõ những điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Chỉ tập trung cung cấp những lợi ích của sản phẩm.
  - D. Chỉ hướng dẫn thủ tục tham gia bảo hiểm, không hướng dẫn thủ tục yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của khách hàng.
4. Đại lý bảo hiểm không được thực hiện hành vi nào sau đây:
  - A. Thực hiện dịch vụ sau bán hàng.
  - B. Giải thích điều khoản hợp đồng.
  - C. Ký thay khách hàng.
  - D. Hướng dẫn khách hàng các thủ tục khi có yêu cầu huỷ hợp đồng.
5. Theo quy định hiện hành, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có quyền và nghĩa vụ:
  - A. Cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác cho bên mua bảo hiểm.
  - B. Tiết lộ, cung cấp thông tin làm thiệt hại đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm.
  - C. Tác động để bên mua bảo hiểm cung cấp sai lệch hoặc không cung cấp thông tin cần thiết cho doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. Giảm phí bảo hiểm cho khách hàng.
6. Đại lý bảo hiểm có thể:



- A. Đồng thời làm đại lý cho doanh nghiệp bảo hiểm khác nếu được sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm mà đại lý đang làm.
  - B. Chủ động làm đại lý cho nhiều doanh nghiệp bảo hiểm để phát huy hết tiềm năng bán hàng của mình mà không cần phải thông báo cho từng doanh nghiệp bảo hiểm biết để có sự chấp thuận trước.
  - C. Dùng tiền hoa hồng để giảm phí hoặc khuyến mại cho khách hàng.
  - D. B, C đúng.
7. Đáp án nào đúng trong các câu sau:
- A. Tổ chức có quyền đồng thời làm đại lý cho nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau.
  - B. Cá nhân có quyền đồng thời làm đại lý cho nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau.
  - C. Tổ chức, cá nhân không được đồng thời làm đại lý cho doanh nghiệp bảo hiểm khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm mà mình đang làm đại lý.
  - D. A, B đúng.
8. Đáp án nào dưới đây đúng:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể ủy quyền cho đại lý bảo hiểm thu phí bảo hiểm.
  - B. Tổ chức, cá nhân có quyền đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau tại cùng một thời điểm.
  - C. Đại lý bảo hiểm có thể thay mặt doanh nghiệp bảo hiểm ký kết hợp đồng bảo hiểm với bên mua bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
9. Đại lý bảo hiểm có thể:
- A. Sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều khoản bảo hiểm cho phù hợp với tình hình thực tế của khách hàng.
  - B. Giảm phí bảo hiểm để khuyến khích khách hàng tham gia bảo hiểm.
  - C. Giám định tổn thất.
  - D. Giới thiệu, chào bán bảo hiểm.
10. Chọn phương án sai trong nguyên tắc hoạt động đại lý bảo hiểm:
- A. Tổ chức, cá nhân không được đồng thời làm đại lý cho doanh nghiệp bảo hiểm khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm mà mình đang làm đại lý.
  - B. Đại lý bảo hiểm có thể sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều khoản bảo hiểm cho phù hợp với tình hình thực tế của khách hàng.
  - C. Đại lý bảo hiểm không được tiết lộ, cung cấp thông tin làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm.
  - D. Đại lý bảo hiểm không được xúi giục khách hàng hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.
11. Đại lý bảo hiểm phải tuân thủ quy tắc nào sau đây:

- A. Giảm phí bảo hiểm sau khi đã thoả thuận được với khách hàng.
- B. Cung cấp thông tin về người được bảo hiểm theo yêu cầu của người thụ hưởng.
- C. Không ký thay khách hàng.
- D. Không trường hợp nào đúng.

## 2. THUẬT NGỮ BẢO HIỂM

1. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa:
  - A. Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm và đại lý bảo hiểm.
  - C. A, B đúng.
  - D. A, B sai.
2. Trong hợp đồng bảo hiểm, bên nhận phí bảo hiểm và phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là:
  - A. Bên mua bảo hiểm.
  - B. Đại lý bảo hiểm.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. Cả B và C.
3. Việc yêu cầu tham gia bảo hiểm được thực hiện bởi:
  - A. Đại lý bảo hiểm.
  - B. Môi giới bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm.
  - D. Doanh nghiệp bảo hiểm.
4. Bên mua bảo hiểm là:
  - A. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với đại lý bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
  - B. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với môi giới bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
  - C. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với nhà tái bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
  - D. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
5. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm thì tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm được gọi là:
  - A. Đại lý bảo hiểm.
  - B. Bên mua bảo hiểm.



- C. Người được bảo hiểm.  
D. Người thụ hưởng.
6. Chọn phương án đúng:
- A. Bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.  
B. Bên mua bảo hiểm không thể đồng thời là người được bảo hiểm.  
C. Bên mua bảo hiểm không thể đồng thời là người thụ hưởng.  
D. A, C đúng.
7. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm thì tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, tính mạng được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm được gọi là:
- A. Người thụ hưởng.  
B. Người được bảo hiểm.  
C. Bên mua bảo hiểm.  
D. Đại lý bảo hiểm.
8. Trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, đối tượng nào sau đây không được thay đổi trong khi hợp đồng có hiệu lực:
- A. Người được bảo hiểm.  
B. Bên mua bảo hiểm.  
C. Người thụ hưởng.  
D. Cả 3 câu trên đều sai.
9. Người thụ hưởng là:
- A. Tổ chức, cá nhân được bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người.  
B. Tổ chức, cá nhân được doanh nghiệp bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người.  
C. A, B đúng.  
D. A, B sai.
10. Người được bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người là:
- A. Người được bảo hiểm.  
B. Người thụ hưởng bảo hiểm.  
C. Người bảo hiểm.  
D. Người tham gia bảo hiểm.
11. Chọn phương án sai về khái niệm sau:
- A. Người được bảo hiểm có thể đồng thời là người thụ hưởng.  
B. Người thụ hưởng là người được doanh nghiệp bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người.

- C. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm và người thụ hưởng.
- D. Người thụ hưởng là người được bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người.
12. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, người thụ hưởng có thể là:
- A. Bên mua bảo hiểm.
- B. Người được bảo hiểm.
- C. A, B đúng.
- D. A, B sai.
13. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có thể là:
- A. Người được bảo hiểm.
- B. Người thụ hưởng.
- C. A, B đúng.
- D. A, B sai.
14. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, người được bảo hiểm có thể là:
- A. Bên mua bảo hiểm.
- B. Người thụ hưởng.
- C. A, B đúng.
- D. A, B sai.
15. Đáp án nào dưới đây sai:
- A. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng.
- B. Bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
- C. Người được bảo hiểm là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, tính mạng được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.
- D. Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm không thể là người thụ hưởng.
16. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về bên mua bảo hiểm:
- A. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm.
- B. Bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
- C. Bên mua bảo hiểm có quyền lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động tại Việt Nam để mua bảo hiểm.
- D. Bên mua bảo hiểm không được đồng thời là người thụ hưởng.
17. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, đáp án nào dưới đây đúng khi điền vào chỗ \_\_\_\_\_ trong câu sau:



Sự kiện bảo hiểm là \_\_\_\_\_ do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật qui định mà khi sự kiện đó xảy ra thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm.

- A. Sự kiện.
  - B. Sự kiện chủ quan.
  - C. Sự kiện khách quan.
  - D. Sự kiện khách quan hoặc chủ quan.
18. Theo qui định của Pháp luật đối với hợp đồng bảo hiểm con người, số tiền bảo hiểm hoặc phương thức xác định số tiền bảo hiểm được:
- A. Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - D. A, C đúng.
19. Khoản tiền mà bên mua bảo hiểm đóng cho doanh nghiệp bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm là:
- A. Phí bảo hiểm.
  - B. Số tiền bồi thường.
  - C. Giá trị bảo hiểm.
  - D. Số tiền bảo hiểm.
20. Hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm mục đích sinh lợi, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm, trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là:
- A. Bảo hiểm xã hội.
  - B. Kinh doanh bảo hiểm.
  - C. Bảo hiểm y tế.
  - D. Kinh doanh tái bảo hiểm.
21. Hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm mục đích sinh lời, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm nhận một khoản phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm khác để cam kết bồi thường cho các trách nhiệm đã nhận bảo hiểm là:
- A. Bảo hiểm xã hội.
  - B. Kinh doanh bảo hiểm.
  - C. Kinh doanh tái bảo hiểm.
  - D. Bảo hiểm y tế.

### 3. NGUYÊN TẮC BẢO HIỂM

1. Anh A mua một sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tặng cháu B là con người bạn thân nhân dịp sinh nhật, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ:
  - A. Chấp thuận bảo hiểm với điều kiện anh A đủ điều kiện tài chính đóng phí.
  - B. Chấp thuận bảo hiểm với điều kiện tăng phí.
  - C. Không chấp thuận bảo hiểm vì anh A không có quyền lợi có thể được bảo hiểm với cháu B.
  - D. Chấp thuận bảo hiểm với điều kiện Người thụ hưởng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với anh A.
2. Quyền lợi có thể được bảo hiểm là quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản; quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với:
  - A. Người thụ hưởng.
  - B. Đối tượng bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm.
  - D. Đại lý bảo hiểm.
3. Phát biểu nào dưới đây sai khi nói về Quyền lợi có thể được bảo hiểm:
  - A. Quyền sử dụng, quyền tài sản đối với đối tượng được bảo hiểm.
  - B. Quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm.
  - C. Quyền sở hữu, quyền chiếm hữu đối với đối tượng được bảo hiểm.
  - D. Quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản; quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với bên mua bảo hiểm.
4. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, trong hợp đồng bảo hiểm con người, bên mua bảo hiểm chỉ có thể mua bảo hiểm cho những người nào dưới đây:
  - A. Bản thân bên mua bảo hiểm, vợ, chồng, con, cha, mẹ của bên mua bảo hiểm.
  - B. Anh, chị, em ruột, người có quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.
  - C. Người khác, nếu bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
5. Trong hợp đồng bảo hiểm con người, bên mua bảo hiểm KHÔNG THỂ mua bảo hiểm cho những người sau đây:
  - A. Vợ, chồng, con, cha, mẹ của bên mua bảo hiểm.
  - B. Anh, chị, em ruột, người có quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.
  - C. Người hàng xóm.
  - D. Bản thân bên mua bảo hiểm.
6. Ông A tham gia hợp đồng bảo hiểm tai nạn con người tại nhiều doanh nghiệp bảo hiểm; khi tai nạn xảy ra (thuộc phạm vi bảo hiểm), ông A sẽ:





- A. Nhận quyền lợi bảo hiểm từ một trong số các hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Nhận quyền lợi bảo hiểm từ hợp đồng bảo hiểm có số tiền bảo hiểm lớn nhất.
  - C. Nhận quyền lợi bảo hiểm từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Không được nhận quyền lợi bảo hiểm từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm.
7. Trong bảo hiểm tai nạn con người, trường hợp người được bảo hiểm chết, bị thương tật hoặc đau ốm do hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp của người thứ ba gây ra thì:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm và được quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả cho người thụ hưởng.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền từ chối bồi thường và yêu cầu người thứ ba bồi thường trực tiếp cho người được bảo hiểm.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm vẫn có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm mà không có quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả cho người thụ hưởng.
  - D. A và B đúng.
8. Trong hợp đồng bảo hiểm con người, khi người được bảo hiểm chết, bị thương tật hoặc ốm đau thuộc phạm vi bảo hiểm mà lỗi do hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp của người thứ ba gây ra thì:
- A. Người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng sẽ nhận được số tiền bảo hiểm từ doanh nghiệp bảo hiểm và số tiền bồi thường từ người thứ ba.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm không có quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả cho người thụ hưởng.
  - C. Người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng sẽ nhận được số tiền từ doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người thứ ba tùy theo số nào lớn hơn.
  - D. A, B đúng.
9. Khi bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm con người cho trường hợp chết của người khác, theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm, phát biểu nào sau đây là đúng:
- A. Bên mua bảo hiểm phải được người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản trong đó ghi rõ số tiền bảo hiểm và người thụ hưởng.
  - B. Bên mua bảo hiểm không cần sự đồng ý của người được bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm phải được người thụ hưởng đồng ý bằng văn bản trong đó ghi rõ số tiền bảo hiểm.
  - D. B và C đúng.
10. Theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm, khi bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm con người cho trường hợp chết của người khác, trường hợp thay đổi người thụ hưởng thì:
- A. Phải có sự đồng ý bằng văn bản của người được bảo hiểm.
  - B. Phải có sự đồng ý bằng văn bản của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm.
  - C. Phải có sự đồng ý bằng văn bản của người thụ hưởng.
11. Một người được bảo hiểm bởi nhiều hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau, trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm sẽ:

- A. Được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo tất cả các hợp đồng bảo hiểm đã tham gia.
- B. Không được nhận quyền lợi bảo hiểm nào và nhận lại phí bảo hiểm đã đóng do vi phạm quy định về bảo hiểm trùng.
- C. Được hưởng quyền lợi bảo hiểm của một hợp đồng bảo hiểm tại mỗi doanh nghiệp bảo hiểm đã tham gia, cho dù người đó có thể có nhiều hơn một hợp đồng bảo hiểm tại một doanh nghiệp bảo hiểm.
- D. Chỉ được hưởng quyền lợi bảo hiểm có giá trị cao nhất trong số các quyền lợi bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm đã tham gia.

## 4. PHÂN LOẠI BẢO HIỂM

1. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, ngoài các nghiệp vụ bảo hiểm đặc thù do Chính phủ qui định, các nghiệp vụ bảo hiểm được chia thành:
  - A. Bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm.
  - B. Bảo hiểm ngắn hạn, bảo hiểm dài hạn.
  - C. Bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
  - D. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.
2. Chọn phương án đúng về khái niệm bảo hiểm nhân thọ:
  - A. Bảo hiểm nhân thọ là bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết.
  - B. Bảo hiểm nhân thọ là bảo hiểm tai nạn con người và bảo hiểm y tế.
  - C. Bảo hiểm nhân thọ là bảo hiểm y tế và bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.
  - D. A, B, C đúng.
3. Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm con người là:
  - A. Tuổi thọ, tính mạng, tài sản và trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm.
  - B. Tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe và tai nạn con người.
  - C. Tuổi thọ, tính mạng và trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm.
  - D. Tuổi thọ, tính mạng và tài sản của người được bảo hiểm.
4. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết là:
  - A. Bảo hiểm nhân thọ.
  - B. Bảo hiểm phi nhân thọ.
  - C. Bảo hiểm sức khỏe.
  - D. Bảo hiểm y tế.
5. Bảo hiểm sức khỏe là loại hình bảo hiểm cho trường hợp:



- A. Người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - B. Người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định.
  - C. Người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc chăm sóc sức khỏe được doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Người được bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định.
6. Theo qui định của Pháp luật, nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe gồm:
- A. Bảo hiểm bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.
  - B. Bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm sinh kỳ.
  - C. Bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm trả tiền định kỳ, bảo hiểm y tế.
  - D. Bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm y tế, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.
7. Theo qui định của Pháp luật, nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe bao gồm:
- A. Bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.
  - B. Bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm y tế.
  - C. Bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm y tế, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.
  - D. Bảo hiểm y tế, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.
8. Nghiệp vụ bảo hiểm nào sau đây không thuộc nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:
- A. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.
  - B. Bảo hiểm tai nạn con người.
  - C. Bảo hiểm y tế.
  - D. Bảo hiểm trách nhiệm người sử dụng lao động.
9. Các loại hợp đồng bảo hiểm bao gồm:
- A. Hợp đồng bảo hiểm con người.
  - B. Hợp đồng bảo hiểm tài sản.
  - C. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
  - D. A, B, C đúng.
10. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, các loại hợp đồng bảo hiểm gồm:
- A. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; Hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ.
  - B. Hợp đồng bảo hiểm con người; Hợp đồng bảo hiểm tài sản; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
  - C. Hợp đồng bảo hiểm chính; Hợp đồng bảo hiểm bổ trợ.
  - D. A, B, C đúng.
11. Theo Pháp luật bảo hiểm, bảo hiểm bắt buộc là loại hình bảo hiểm do pháp luật quy định về:
- A. Điều kiện bảo hiểm, phí bảo hiểm.

- B. Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm tối thiểu.
  - C. Điều kiện bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu.
  - D. Điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm tối thiểu.
12. Bảo hiểm bắt buộc chỉ áp dụng đối với một số loại nghiệp vụ bảo hiểm nhằm:
- A. Bảo vệ lợi ích của người tham gia bảo hiểm.
  - B. Bảo vệ lợi ích công cộng và an toàn xã hội.
  - C. Bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
13. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm bắt buộc bao gồm:
- A. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không đối với hành khách.
  - B. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật; Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
  - C. Bảo hiểm cháy, nổ.
  - D. Cả A, B, C.

## 5. BẢO HIỂM NHÂN THỌ

1. Yếu tố nào dưới đây của người được bảo hiểm ảnh hưởng đến phí bảo hiểm:
- A. Tuổi.
  - B. Giới tính.
  - C. Nghề nghiệp.
  - D. A, B, C đúng.

## BẢO HIỂM TỬ KỲ

2. Điều kiện để được nhận quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm tử kỳ là:
- A. Bên mua bảo hiểm tử vong trong thời hạn hợp đồng.
  - B. Người được bảo hiểm tử vong trong thời hạn hợp đồng.
  - C. Người được bảo hiểm vẫn còn sống đến khi kết thúc hợp đồng.
  - D. Bên mua bảo hiểm vẫn còn sống đến khi kết thúc hợp đồng.
3. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm chết trong thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm là:
- A. Bảo hiểm hưu trí.



- B. Bảo hiểm trọn đời.
  - C. Bảo hiểm tử kỳ.
  - D. Bảo hiểm sinh kỳ.
4. Điền vào chỗ trống đáp án đúng: “Bảo hiểm tử kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp \_\_\_\_\_ chết trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận trong hợp đồng”.
- A. Người thụ hưởng.
  - B. Người được bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm.
  - D. Tất cả các đáp án trên.
5. Chọn phương án đúng về nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ:
- A. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết trong thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
6. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ, phát biểu nào sau đây là không đúng:
- A. Là nghiệp vụ bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm và bảo hiểm cho trường hợp NĐBH chết trong thời hạn được thỏa thuận tại HĐBH.
  - B. Là nghiệp vụ bảo hiểm không có yếu tố tiết kiệm.
  - C. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp NĐBH chết trong thời hạn được thỏa thuận tại HĐBH.
7. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ, phát biểu nào sau đây là đúng:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm chết trong thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm khi người được bảo hiểm vẫn còn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm tử vong trong thời hạn hợp đồng và bên mua bảo hiểm không đồng thời là người được bảo hiểm.
  - D. Không có đáp án đúng.
8. Đối với hợp đồng bảo hiểm tử kỳ, trường hợp người được bảo hiểm chết trong thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm là:
- A. Chi trả tiền bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
  - B. Chi trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng.
  - C. Không chi trả quyền lợi bảo hiểm.
  - D. Chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm.

## BẢO HIỂM SINH KỲ

9. Điều kiện để được nhận quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm sinh kỳ là:
- A. Bên mua bảo hiểm còn sống đến khi kết thúc hợp đồng.
  - B. Người được bảo hiểm vẫn còn sống đến khi kết thúc hợp đồng.
  - C. Bên mua bảo hiểm tử vong trước khi kết thúc hợp đồng.
  - D. Người được bảo hiểm tử vong trước khi kết thúc hợp đồng.
10. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm vẫn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm là:
- A. Bảo hiểm hưu trí.
  - B. Bảo hiểm trọn đời.
  - C. Bảo hiểm tử kỳ.
  - D. Bảo hiểm sinh kỳ.
11. Đáp án nào dưới đây sai khi nói về bảo hiểm sinh kỳ:
- A. Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định; sau thời hạn đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm định kỳ cho người thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Thông thường, theo loại hình bảo hiểm sinh kỳ, nếu người được bảo hiểm chết trước thời hạn thanh toán thì người bảo hiểm sẽ không thanh toán bất cứ khoản tiền nào.
  - C. Theo loại hình bảo hiểm sinh kỳ, phí bảo hiểm có thể trả 1 lần vào thời điểm ký kết hợp đồng hoặc có thể được trả làm nhiều lần và không thay đổi trong suốt thời hạn đóng phí.
  - D. Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định, theo đó người bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm vẫn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
12. Đáp án nào dưới đây đúng khi nói về bảo hiểm sinh kỳ:
- A. Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định, theo đó người bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm vẫn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm chết trong thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định, sau thời hạn đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm định kỳ cho người thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.



- D. Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc chăm sóc sức khỏe được doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
13. Ông A tham gia một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có thời hạn đến năm ông A 60 tuổi. Công ty bảo hiểm sẽ chi trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng nếu ông A vẫn còn sống đến 60 tuổi. Đây là nghiệp vụ bảo hiểm:
- A. Không có đáp án đúng.
  - B. Tử kỳ.
  - C. Sinh kỳ.
  - D. Trọn đời.
14. Bà B tham gia một HĐBH nhân thọ sinh kỳ có thời hạn đến năm bà B 55 tuổi. Bà B vẫn còn sống đến ngày đáo hạn hợp đồng. Lúc này, bà B hoặc người thụ hưởng của bà B sẽ:
- A. Nhận được STBH của HĐBH sinh kỳ này.
  - B. Nhận được lương hưu.
  - C. Nhận được tiền mặt trả định kỳ.
  - D. Không nhận được gì.
15. Đối với hợp đồng bảo hiểm sinh kỳ, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm chi trả tiền bảo hiểm cho sự kiện nào dưới đây:
- A. Bên mua bảo hiểm sống đến hết một thời hạn nhất định và Bên mua bảo hiểm không đồng thời là Người được bảo hiểm.
  - B. Người được bảo hiểm sống đến một thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định.
16. Đối với hợp đồng bảo hiểm sinh kỳ, trường hợp người được bảo hiểm tử vong trong thời hạn hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ:
- A. Không chi trả quyền lợi bảo hiểm.
  - B. Chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm.
  - C. Chi trả tiền bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
  - D. Chi trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng.
17. Chọn phát biểu đúng về nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ:
- A. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm chết trong thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời.
  - C. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm vẫn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

18. Điền vào chỗ trống đáp án đúng: “Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm \_\_\_\_\_ đến một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm vẫn \_\_\_\_\_ đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm”.
- A. Sống.
  - B. Chết.
  - C. Sống hoặc chết.
  - D. A, B, C đều đúng.
19. Điền vào chỗ trống đáp án đúng: “Bảo hiểm sinh kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp \_\_\_\_\_ sống đến một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu \_\_\_\_\_ vẫn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm”.
- A. Người thụ hưởng.
  - B. Bên mua bảo hiểm.
  - C. Người được bảo hiểm.

## BẢO HIỂM HỖN HỢP

20. Nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm tử kỳ là:
- A. Bảo hiểm hỗn hợp.
  - B. Bảo hiểm trọn đời.
  - C. Bảo hiểm hưu trí.
  - D. Bảo hiểm trả tiền định kỳ.
21. Chọn 1 phương án đúng về đặc thù của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp:
- A. Chỉ chi trả tiền bảo hiểm khi người được bảo hiểm tử vong.
  - B. Chỉ chi trả tiền bảo hiểm cả khi người được bảo hiểm còn sống đến hết thời hạn bảo hiểm hoặc chết trong thời hạn bảo hiểm.
  - C. Chỉ chi trả tiền bảo hiểm khi hết thời hạn bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
22. Đáp án nào dưới đây đúng khi nói về bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp:
- A. Bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm tử kỳ.
  - B. Bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm trả tiền định kỳ.
  - C. Bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm trọn đời và bảo hiểm trả tiền định kỳ.
  - D. Bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm tử kỳ và bảo hiểm trả tiền định kỳ.
23. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp:





- A. Bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm tử kỳ.
  - B. Bảo hiểm tử kỳ và bảo hiểm hưu trí.
  - C. Bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm trọn đời.
  - D. Bảo hiểm trọn đời và bảo hiểm hưu trí.
24. Chọn một phương án đúng về các đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp:
- A. Có giá trị hoàn lại, có chia lãi hoặc không chia lãi.
  - B. Có cả hai yếu tố bảo vệ và tiết kiệm.
  - C. A, B đúng.
  - D. Không có đáp án đúng.
25. Chọn một phương án đúng về đặc thù của nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp:
- A. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - B. Là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm tử kỳ.
  - C. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định; sau thời hạn đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm định kỳ cho người thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
26. Phát biểu nào sau đây là không đúng khi nói về nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp?
- A. Là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm tử kỳ.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cả khi người được bảo hiểm còn sống đến hết thời hạn bảo hiểm hoặc chết trong thời hạn bảo hiểm.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm nếu người thụ hưởng vẫn còn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và người thụ hưởng không đồng thời là người được bảo hiểm.

## BẢO HIỂM TRỌN ĐỜI

27. Bảo hiểm trọn đời là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp:
- A. Người được bảo hiểm sống hoặc chết.
  - B. Người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - C. Người được bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định.
  - D. Người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định.
28. Chọn phương án đúng về nghiệp vụ bảo hiểm trọn đời:
- A. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - B. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định.
  - C. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định.

- D. Là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm tử kỳ.
29. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó:
- A. Bảo hiểm trọn đời.
  - B. Bảo hiểm sinh kỳ.
  - C. Bảo hiểm hỗn hợp.
  - D. Bảo hiểm tử kỳ.
30. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm trọn đời, doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm đối với sự kiện nào sau đây:
- A. BMBH chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - B. Người thụ hưởng chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - C. NĐBH chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - D. A, B đúng.
31. Chọn 1 phương án đúng về đặc điểm của nghiệp vụ bảo hiểm trọn đời:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng khi người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng khi người được bảo hiểm vẫn sống tại thời điểm kết thúc hiệu lực hợp đồng.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng khi bên mua bảo hiểm chết ở bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
32. Điền vào chỗ trống đáp án đúng: “Bảo hiểm trọn đời là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp \_\_\_\_\_ chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó”.
- A. Người được bảo hiểm.
  - B. Bên mua bảo hiểm.
  - C. Người thụ hưởng.
  - D. A, B và C đúng.
33. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó là:
- A. Bảo hiểm sinh kỳ.
  - B. Bảo hiểm hỗn hợp.
  - C. Bảo hiểm tử kỳ.
  - D. Bảo hiểm trọn đời.
34. Phát biểu nào sau đây là đúng nhất về nghiệp vụ bảo hiểm trọn đời:
- A. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp bên mua bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó và bên mua bảo hiểm không đồng thời là người được bảo hiểm.
  - B. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người thụ hưởng chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.



- C. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
- D. Không có đáp án đúng.

## BẢO HIỂM TRẢ TIỀN ĐỊNH KỲ

- 35. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định; sau thời hạn đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm định kỳ cho người thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm là:
  - A. Bảo hiểm hưu trí.
  - B. Bảo hiểm trọn đời.
  - C. Bảo hiểm sinh kỳ.
  - D. Bảo hiểm trả tiền định kỳ.
- 36. Theo qui định của Pháp luật, nghiệp vụ bảo hiểm nào dưới đây thuộc Bảo hiểm Nhân thọ:
  - A. Bảo hiểm trả tiền định kỳ.
  - B. Bảo hiểm xe cơ giới.
  - C. Bảo hiểm nông nghiệp.
  - D. Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- 37. Trong nghiệp vụ bảo hiểm trả tiền định kỳ, khi người được bảo hiểm còn sống nhưng chưa đạt đến thời hạn nhất định theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm:
  - A. Không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào cả.
  - B. Chi trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm.
  - C. Chi trả tiền bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.
  - D. Chi trả tiền bảo hiểm cho Người thụ hưởng.
- 38. Bảo hiểm trả tiền định kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp ..... sống đến một thời hạn nhất định, sau thời hạn đó DNBH phải trả tiền bảo hiểm định kỳ cho người thụ hưởng theo thỏa thuận trong HĐBH.
  - A. Bên mua bảo hiểm (không đồng thời là NĐBH).
  - B. Người được bảo hiểm.
  - C. Người thụ hưởng (không đồng thời là NĐBH).
  - D. Cả A, C đúng.
- 39. Đáp án nào sau đây là đúng khi nói về nghiệp vụ bảo hiểm trả tiền định kỳ:
  - A. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết trong thời hạn hợp đồng.
  - B. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm bị tai nạn, ốm đau, mất khả năng lao động.

- C. Là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định; sau thời hạn đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm định kỳ cho người thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
- D. A, B đúng.

## BẢO HIỂM HƯU TRÍ

- 40. Bảo hiểm hưu trí là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp:
  - A. Người được bảo hiểm đạt đến độ tuổi xác định được người bảo hiểm trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn, ốm đau được người bảo hiểm trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Người được bảo hiểm còn sống đến thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm sẽ nhận được một khoản tiền bảo hiểm của người được bảo hiểm.
  - D. Người được bảo hiểm chết trong thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, người bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng bảo hiểm.
- 41. Nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm đạt đến độ tuổi xác định được doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm là:
  - A. Bảo hiểm trả tiền định kỳ.
  - B. Bảo hiểm trọn đời.
  - C. Bảo hiểm hưu trí.
  - D. Bảo hiểm sức khỏe.
- 42. Độ tuổi bắt đầu nhận quyền lợi bảo hiểm hưu trí là:
  - A. Tùy theo thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm tại hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Tùy theo thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm tại hợp đồng bảo hiểm nhưng không dưới 45 (bốn mươi lăm) tuổi đối với nữ và 50 (năm mươi) tuổi đối với nam.
  - C. Tùy theo thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm tại hợp đồng bảo hiểm nhưng không dưới 55 (năm mươi lăm) tuổi đối với nữ và 60 (sáu mươi) tuổi đối với nam.
  - D. Không đáp án nào đúng.
- 43. Phát biểu nào sau đây đúng về quỹ hưu trí tự nguyện:
  - A. Quỹ hưu trí tự nguyện được hình thành từ phí bảo hiểm và là tập hợp các tài khoản bảo hiểm hưu trí của người được bảo hiểm.
  - B. Khi triển khai bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm phải thiết lập quỹ hưu trí tự nguyện, theo dõi, tách và hạch toán riêng doanh thu, chi phí, tài sản và nguồn vốn của quỹ hưu trí tự nguyện với các quỹ chủ hợp đồng khác và quỹ chủ sở hữu.
  - C. Quỹ hưu trí tự nguyện do chủ sử dụng lao động tự quản lý và đầu tư.
  - D. A và B đúng.



44. Người được bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện được quyền rút trước giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí trong trường hợp:
- A. Chấm dứt hợp đồng lao động.
  - B. Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của pháp luật.
  - C. Bị suy giảm khả năng lao động 51% trở lên theo quy định của pháp luật.
  - D. Không có khả năng đóng phí bảo hiểm.
45. Bảo hiểm hưu trí là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp \_\_\_\_\_ đạt đến độ tuổi xác định được doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm:
- A. Bên mua bảo hiểm (không đồng thời là người được bảo hiểm).
  - B. Người được bảo hiểm.
  - C. Người thụ hưởng (không đồng thời là người được bảo hiểm).
  - D. Cả A, C đều đúng.
46. Theo quy định tại Thông tư 115/2013/TT-BTC, tuổi bắt đầu nhận quyền lợi trong bảo hiểm hưu trí đối với Nữ là:
- A. Không dưới 55 tuổi.
  - B. Không dưới 50 tuổi.
  - C. Không dưới 60 tuổi.
  - D. Không dưới 66 tuổi.
47. Theo quy định tại Thông tư 115/2013/TT-BTC, tuổi bắt đầu nhận quyền lợi trong bảo hiểm hưu trí đối với Nam là:
- A. Không dưới 55 tuổi.
  - B. Không dưới 65 tuổi.
  - C. Không dưới 60 tuổi.
  - D. Không có đáp án nào chính xác.
48. Đối với sản phẩm bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm được khấu trừ các loại phí nào sau đây:
- A. Phí ban đầu, phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng bảo hiểm, phí quản lý quỹ, phí chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí.
  - B. Phí ban đầu, phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng bảo hiểm, phí quản lý quỹ, phí chuyển đổi quỹ, phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng bảo hiểm, phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Không đáp án nào đúng.
49. Đối với sản phẩm bảo hiểm hưu trí, phí bảo hiểm ban đầu là:
- A. Khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
  - B. Khoản phí dùng để trang trải chi phí phát hành hợp đồng bảo hiểm, chi phí thẩm định bảo hiểm, chi phí kiểm tra y tế, chi phí hoa hồng đại lý và chi phí khác.

- C. Khoản phí đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả cho doanh nghiệp bảo hiểm hiện đang quản lý tài khoản bảo hiểm hưu trí khi thực hiện chuyển giao tài khoản hưu trí sang doanh nghiệp bảo hiểm mới.
50. Đối với sản phẩm bảo hiểm hưu trí, phí quản lý hợp đồng là:
- A. Khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
  - B. Khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả cho doanh nghiệp bảo hiểm hiện đang quản lý tài khoản bảo hiểm hưu trí khi thực hiện chuyển giao tài khoản hưu trí sang doanh nghiệp bảo hiểm mới.
  - C. Khoản phí đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Khoản phí dùng để trang trải chi phí phát hành hợp đồng bảo hiểm, chi phí thẩm định bảo hiểm, chi phí kiểm tra y tế, chi phí hoa hồng đại lý và chi phí khác.
51. Đối với sản phẩm bảo hiểm hưu trí, phí bảo hiểm rủi ro là:
- A. Khoản phí dùng để trang trải chi phí phát hành hợp đồng bảo hiểm, chi phí thẩm định bảo hiểm, chi phí kiểm tra y tế, chi phí hoa hồng đại lý và chi phí khác.
  - B. Khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả cho doanh nghiệp bảo hiểm hiện đang quản lý tài khoản bảo hiểm hưu trí khi thực hiện chuyển giao tài khoản hưu trí sang doanh nghiệp bảo hiểm mới.
  - C. Khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
  - D. Khoản phí đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
52. Đối với quyền lợi hưu trí định kỳ, doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo:
- A. Quyền lợi hưu trí được chi trả định kỳ đến khi người được bảo hiểm đạt 60 tuổi đối với Nam và 55 tuổi đối với Nữ.
  - B. Quyền lợi hưu trí được chi trả định kỳ đến khi người được bảo hiểm tử vong hoặc tối thiểu 15 năm, tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Quyền lợi hưu trí được chi trả định kỳ đến khi người được bảo hiểm tử vong hoặc tối thiểu 5 năm, tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Quyền lợi hưu trí được chi trả định kỳ đến khi người được bảo hiểm tử vong hoặc tối thiểu 10 năm, tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.
53. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có khả năng đóng phí bảo hiểm đối với hợp đồng bảo hiểm hưu trí, bên mua bảo hiểm có quyền:
- A. Rút giá trị tài khoản và chấm dứt hợp đồng.
  - B. Thỏa thuận với DNBH về việc tạm thời đóng tài khoản bảo hiểm hưu trí.
  - C. Yêu cầu chấm dứt hợp đồng.
  - D. Không có đáp án nào đúng.
54. Người được bảo hiểm được quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm cho rút trước một phần hoặc toàn bộ giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí trong các trường hợp sau đây:



- A. NĐBH bị suy giảm khả năng lao động 51% trở lên theo quy định của pháp luật hiện hành.
- B. Không có khả năng đóng phí bảo hiểm.
- C. NĐBH bị suy giảm khả năng lao động 61% trở lên theo quy định của pháp luật hiện hành / NĐBH mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của pháp luật.
- D. NĐBH bị suy giảm khả năng lao động 51% trở lên theo quy định của pháp luật hiện hành / NĐBH mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của pháp luật.
55. Khi người được bảo hiểm chấm dứt hợp đồng lao động hoặc mất việc và không còn là thành viên của hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm, phát biểu nào sau đây đúng nhất về quyền của người được bảo hiểm:
- A. Chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí của mình sang bảo hiểm xã hội.
- B. Chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí của mình sang hợp đồng bảo hiểm hưu trí cá nhân với giá trị tương ứng tại doanh nghiệp bảo hiểm khác.
- C. Chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí của mình sang hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm của doanh nghiệp mới. Hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm mới có thể tại cùng doanh nghiệp bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm khác, tùy thuộc doanh nghiệp mới.
- D. Chuyển giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí từ hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm sang hợp đồng bảo hiểm hưu trí cá nhân với giá trị tương ứng tại cùng doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí của mình sang hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm của doanh nghiệp mới. Hợp đồng bảo hiểm hưu trí nhóm mới có thể tại cùng doanh nghiệp bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm khác, tùy thuộc doanh nghiệp mới.
56. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm hưu trí phải bao gồm tối thiểu các quyền lợi nào?
- A. Quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi chăm sóc y tế, quyền lợi hỗ trợ nằm viện.
- B. Quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn, quyền lợi bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Quyền lợi chăm sóc y tế.
- D. Quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
57. Đối với bảo hiểm hưu trí, khi người được bảo hiểm mắc bệnh hiểm nghèo, người được bảo hiểm được yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm:
- A. Cho rút trước giá trị tài khoản.
- B. Chi trả quyền lợi hưu trí.
- C. A, B đúng.
- D. A, B sai.

## BẢO HIỂM NHÂN THỌ CÓ CHIA LÃI

58. Phát biểu nào sau đây là đúng đối với sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có tham gia chia lãi:
- A. Khi tham gia sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có tham gia chia lãi, chủ hợp đồng bảo hiểm nhận được không thấp hơn 70% tổng số lãi thu được.



- B. Lãi chia cho chủ hợp đồng có thể được thực hiện dưới hình thức trả tiền mặt cho chủ hợp đồng, trả bảo tức tích lũy hoặc gia tăng số tiền bảo hiểm.
  - C. Khi tham gia sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có tham gia chia lãi, chủ hợp đồng bảo hiểm nhận được không thấp hơn 80% tổng số lãi thu được.
  - D. A và B đúng.
59. Theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm, đối với sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp có tham gia chia lãi, trong mọi trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có trách nhiệm đảm bảo tất cả các chủ hợp đồng nhận được không thấp hơn \_\_\_\_\_ số thặng dư của tổng số lãi thu được hoặc chênh lệch thặng dư giữa số thực tế và giả định về tỷ lệ tử vong, lãi suất đầu tư và chi phí, tùy theo số nào lớn hơn.
- A. 50%.
  - B. 60%.
  - C. 70%.
  - D. Không có đáp án đúng.

## BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ

60. Sản phẩm nào sau đây thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư:
- A. Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và liên kết đơn vị.
  - B. Sản phẩm bảo hiểm trọn đời và trả tiền định kỳ.
  - C. Sản phẩm bảo hiểm tử kỳ và sinh kỳ.
61. Phát biểu nào sau đây không chính xác về nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung và liên kết đơn vị:
- A. Điều thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư.
  - B. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ quỹ liên kết chung/quỹ liên kết đơn vị.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ quỹ liên kết chung/quỹ liên kết đơn vị.
  - D. Không có đáp án nào đúng.
62. Phát biểu nào sau đây đúng về sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị:
- A. Chỉ có sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị được tính các khoản phí khác ngoài phí bảo hiểm.
  - B. Chỉ có sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị có yêu cầu riêng về điều kiện đại lý.
  - C. Chỉ có sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị có cơ cấu phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm được tách bạch giữa phần bảo hiểm rủi ro và phần đầu tư.
  - D. Điều thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư.
63. Phát biểu nào sau đây sai khi nói về sản phẩm bảo hiểm liên kết chung:
- A. Là sản phẩm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư.





- B. Có cơ cấu phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm được tách bạch giữa phần bảo hiểm rủi ro và phần đầu tư.
  - C. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ quỹ liên kết chung của doanh nghiệp bảo hiểm nhưng không thấp hơn tỷ suất đầu tư tối thiểu được doanh nghiệp bảo hiểm cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Là sản phẩm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp.
64. Phát biểu nào sau đây là đúng về việc triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung:
- A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và trong hạn mức tối đa đã được quy định tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp có thể thay đổi tỷ lệ các loại phí áp dụng sau khi thông báo và thỏa thuận với bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 15 ngày trước thời điểm chính thức thay đổi.
  - B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và trong hạn mức tối đa đã được quy định tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp có thể thay đổi tỷ lệ các loại phí áp dụng mà không cần phải thông báo cho khách hàng.
  - C. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và trong hạn mức tối đa đã được quy định tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp có thể thay đổi tỷ lệ các loại phí áp dụng sau khi thông báo và thỏa thuận với bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 20 ngày trước thời điểm chính thức thay đổi.
  - D. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và trong hạn mức tối đa đã được quy định tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp có thể thay đổi tỷ lệ các loại phí áp dụng sau khi thông báo và thỏa thuận với bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.
65. Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, doanh nghiệp bảo hiểm được khấu trừ các loại phí nào sau đây:
- A. Phí ban đầu, phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý HĐBH, phí quản lý quỹ, phí chuyển tài khoản bảo hiểm.
  - B. Phí ban đầu, phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý HĐBH, phí quản lý quỹ, phí chuyển đổi quỹ, phí hủy bỏ HĐBH.
  - C. Phí ban đầu, phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý HĐBH, phí quản lý quỹ, phí hủy bỏ HĐBH.
  - D. Không đáp án nào đúng.
66. Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm là:
- A. Khoản phí đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Khoản phí dùng để trang trải chi phí phát hành hợp đồng bảo hiểm, chi phí thẩm định bảo hiểm, chi phí kiểm tra y tế, chi phí hoa hồng đại lý và chi phí khác.
  - C. Khoản phí tính cho khách hàng khi hủy bỏ hợp đồng trước ngày đáo hạn để bù đắp các khoản chi phí hợp lý có liên quan.
  - D. Khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
67. Giá trị hoàn lại của một hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được xác định:
- A. Là giá trị hợp đồng đó trong quỹ liên kết chung vào ngày hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trừ đi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.

- B. Là giá trị hợp đồng đó trong quỹ liên kết chung vào ngày hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trừ đi phí quản lý hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Là giá trị hợp đồng đó trong quỹ liên kết chung vào ngày kết thúc HĐBH.
  - D. Là giá trị hợp đồng đó trong quỹ liên kết chung vào ngày hủy bỏ HĐBH.
68. Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có đặc điểm nào sau đây:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ quỹ liên kết chung.
  - B. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ quỹ liên kết chung của doanh nghiệp bảo hiểm nhưng không thấp hơn tỷ suất đầu tư tối thiểu được doanh nghiệp bảo hiểm cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Cơ cấu phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm không phân biệt giữa phần bảo hiểm rủi ro và phần đầu tư.
69. Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, quy định nào sau đây là đúng:
- A. Số tiền bảo hiểm tối thiểu không thấp hơn 5 lần phí bảo hiểm định kỳ năm đầu đối với HĐBH đóng phí định kỳ hoặc không thấp hơn 100% số phí bảo hiểm đối với HĐBH đóng phí một lần.
  - B. Số tiền bảo hiểm tối thiểu không thấp hơn 5 lần phí bảo hiểm định kỳ năm đầu đối với HĐBH đóng phí định kỳ hoặc không thấp hơn 125% số phí bảo hiểm đối với HĐBH đóng phí một lần.
  - C. Số tiền bảo hiểm tối thiểu không thấp hơn 5 lần phí bảo hiểm định kỳ năm đầu đối với HĐBH đóng phí định kỳ hoặc không cao hơn 125% số phí bảo hiểm đối với HĐBH đóng phí một lần.
  - D. Số tiền bảo hiểm tối đa không cao hơn 5 lần phí bảo hiểm định kỳ năm đầu đối với HĐBH đóng phí định kỳ hoặc không thấp hơn 125% số phí bảo hiểm đối với HĐBH đóng phí một lần.
70. Trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm:
- A. Phân tích nhu cầu khách hàng.
  - B. Phải có xác nhận của khách hàng về việc hiểu rõ về sản phẩm bảo hiểm mà họ dự kiến mua, nhận thức rõ được quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư và các rủi ro đầu tư mà họ có thể gặp phải khi tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và các khoản phí mà doanh nghiệp bảo hiểm tính cho khách hàng.
  - C. A và B đúng.
71. Phát biểu nào sau đúng đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị:
- A. Doanh nghiệp BH được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị.
  - B. Bên mua bảo hiểm được quyền lựa chọn đầu tư phí bảo hiểm của mình để mua các đơn vị của các quỹ liên kết đơn vị do doanh nghiệp bảo hiểm thành lập, được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với phần phí bảo hiểm đầu tư. Việc mua, bán các đơn vị quỹ chỉ được thực hiện giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm được quyền lựa chọn đầu tư phí bảo hiểm của mình để mua các đơn vị của các quỹ liên kết đơn vị do doanh nghiệp bảo hiểm thành lập, được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị đã lựa



chọn tương ứng với phần phí bảo hiểm đầu tư. Việc mua, bán các đơn vị quỹ chỉ được thực hiện giữa doanh nghiệp bảo hiểm và Công ty Quản lý quỹ.

72. Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị là:
- A. Khoản phí dùng để trang trải chi phí phát hành HĐBH, chi phí thẩm định bảo hiểm, chi phí kiểm tra y tế, chi phí hoa hồng đại lý và chi phí khác.
  - B. Khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH cho BMBH.
  - C. Khoản phí BMBH phải trả cho DNBH khi thực hiện chuyển đổi tài sản đầu tư giữa các quỹ liên kết đơn vị.
  - D. Khoản phí đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại HĐBH.
73. Doanh nghiệp bảo hiểm và BMBH thỏa thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro trong HĐBH liên kết đơn vị đóng phí định kỳ nhưng phải đảm bảo quyền lợi tối thiểu trong trường hợp NĐBH tử vong bằng:
- A. 50 triệu đồng hoặc 5 lần của số phí BH đóng hàng năm, tùy số nào lớn hơn.
  - B. 100 triệu đồng hoặc 5 lần của số phí BH đóng phí một lần, tùy số nào lớn hơn.
  - C. 50 triệu đồng hoặc 125% của số phí BH đóng phí một lần, tùy số nào lớn hơn.
  - D. 50 triệu đồng hoặc 150% của số phí BH đóng phí một lần, tùy số nào lớn hơn.
74. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro trong hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đóng phí một lần nhưng phải đảm bảo quyền lợi tối thiểu trong trường hợp người được bảo hiểm tử vong bằng:
- A. 50.000.000 đồng hoặc 150% của số phí bảo hiểm đóng phí một lần, tùy số nào lớn hơn.
  - B. 100.000.000 đồng hoặc 5 lần của số phí bảo hiểm đóng một lần, tùy số nào lớn hơn.
  - C. 50.000.000 đồng hoặc 5 lần của số phí bảo hiểm đóng một lần, tùy số nào lớn hơn.
  - D. 50.000.000 đồng hoặc 125% lần của số phí bảo hiểm đóng một lần, tùy số nào lớn hơn.

## 6. LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

1. Phạm vi điều chỉnh của Luật kinh doanh bảo hiểm là:
- A. Bảo hiểm xã hội.
  - B. Bảo hiểm y tế.
  - C. Tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm, xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm.
  - D. Bảo hiểm tiền gửi.

### HÌNH THỨC NỘI DUNG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

2. Hợp đồng bảo hiểm do:

- A. Người thụ hưởng soạn thảo.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm soạn thảo.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm soạn thảo.
  - D. Bên mua soạn thảo.
3. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, nội dung nào dưới đây không bắt buộc phải có trong hợp đồng bảo hiểm:
- A. Phí bảo hiểm và phương thức thanh toán, thời hạn bồi thường hoặc trả tiền bảo hiểm, các quy định giải quyết tranh chấp.
  - B. Đối tượng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, giá trị tài sản được bảo hiểm đối với bảo hiểm tài sản, phạm vi bảo hiểm, điều kiện, điều khoản bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và thời hạn bảo hiểm.
  - C. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng, ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng.
  - D. Thu nhập của bên mua bảo hiểm.
4. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho đối tượng nào sau đây:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm.
  - B. Bên mua bảo hiểm.
  - C. Bên thứ ba.
  - D. Tùy từng trường hợp.
5. Theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ phải có những nội dung nào sau đây:
- A. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng.
  - B. Đối tượng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm.
  - C. Phạm vi bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và thời hạn bảo hiểm.
  - D. A, B và C đúng.

### THỜI ĐIỂM PHÁT SINH TRÁCH NHIỆM

6. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm kể từ khi:
- A. Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
  - B. Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết, trong đó có thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm về việc bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm.
  - C. Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
  - D. A hoặc B hoặc C.
7. Trách nhiệm bảo hiểm chưa phát sinh trong trường hợp nào sau đây:

- A. Hợp đồng bảo hiểm được giao kết, trong đó có thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm về việc bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm.
- B. Có bằng chứng về hợp đồng bảo hiểm được ký kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- C. Hợp đồng bảo hiểm được giao kết, bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm không có thỏa thuận về việc nợ phí bảo hiểm.
- D. Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.

## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

- 8. Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:
  - A. Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm.
  - B. Trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
  - C. Giải thích bằng văn bản lý do từ chối trả tiền bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
- 9. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:
  - A. Yêu cầu bên mua bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật.
  - B. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với tài sản và trách nhiệm dân sự.
  - C. Không cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
- 10. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:
  - A. Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp mọi thông tin doanh nghiệp bảo hiểm cần.
  - B. Đơn phương đình chỉ hợp đồng khi bên mua bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Yêu cầu bên mua bảo hiểm thực hiện các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Pháp luật.
  - D. B, C đúng.
- 11. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:
  - A. Thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Công bố các thông tin về đối tượng bảo hiểm mà không cần sự đồng ý của bên mua bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.

12. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền từ chối trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp:
- A. Sự kiện bảo hiểm xảy ra không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Sự kiện bảo hiểm xảy ra thuộc các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian gia hạn nộp phí bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
13. Đối với hợp đồng bảo hiểm con người, trường hợp một hoặc một số người thụ hưởng cố ý gây ra cái chết hoặc thương tật vĩnh viễn cho người được bảo hiểm thì:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm vẫn trả tiền cho tất cả người thụ hưởng bảo hiểm.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trả tiền bảo hiểm cho những người thụ hưởng khác theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Không trường hợp nào đúng.
14. Đối với hợp đồng bảo hiểm con người, doanh nghiệp bảo hiểm phải chi trả tiền bảo hiểm trong trường hợp nào sau đây:
- A. Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn 2 năm kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.
  - B. Người được bảo hiểm chết do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm.
  - C. Trường hợp một, hoặc một số người thụ hưởng cố ý gây ra cái chết hay thương tật toàn bộ vĩnh viễn cho người được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng khác theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Cả 3 đáp án A, B, C doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm.
15. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp nào dưới đây:
- A. Khi có sự thay đổi làm tăng các rủi ro được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm tính tăng phí cho thời gian còn lại của hợp đồng nhưng bên mua bảo hiểm không chấp nhận.
  - B. Bên mua bảo hiểm không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm trong thời hạn mà doanh nghiệp bảo hiểm đã ấn định để bên mua bảo hiểm thực hiện.
  - C. A, B đúng.
  - D. A, B sai.
16. Trường hợp người được bảo hiểm không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:
- A. Tăng phí bảo hiểm ngay tại thời điểm phát hiện thấy người được bảo hiểm không thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn.
  - B. Đơn phương đình chỉ hợp đồng bảo hiểm ngay tại thời điểm phát hiện thấy người được bảo hiểm không thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn.



- C. Ấn định một thời hạn để người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho đối tượng bảo hiểm.
  - D. Không trường hợp nào đúng.
17. Trường hợp có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm:
- A. Có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng.
  - B. Không có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng.
  - C. Có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm mà không cần thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm.
  - D. A, C đúng.

## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

18. Bên mua bảo hiểm có quyền:
- A. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
  - B. Lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động tại Việt Nam để mua bảo hiểm.
  - C. Từ chối cung cấp thông tin về đối tượng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
19. Bên mua bảo hiểm có quyền:
- A. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Đơn bảo hiểm.
  - B. Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
20. Bên mua bảo hiểm không có nghĩa vụ:
- A. Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm.
  - B. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - C. kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. Thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc đánh giá rủi ro được bảo hiểm.
21. Trường hợp có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm:



- A. Có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng.
  - B. Không có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng.
  - C. Có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng bảo hiểm mà không cần thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. A, C đúng.
22. Trong thời gian tự do xem xét, phát biểu nào sau đây là đúng:
- A. Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối không tiếp tục tham gia bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm hoàn trả phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ đi chi phí khám sức khỏe (nếu có).
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền từ chối không tiếp tục bảo hiểm cho người được bảo hiểm và hoàn trả phí bảo hiểm đã đóng.
  - C. Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối không tiếp tục tham gia bảo hiểm nhưng chỉ được nhận lại một phần phí bảo hiểm đã đóng (sau khi trừ đi phần phí bảo hiểm cho những ngày đã được bảo hiểm).
  - D. B và C đúng.

### TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN

23. Trong trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì:
- A. Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm; Doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm do cung cấp thông tin sai sự thật.
  - B. Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm; Doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm do cung cấp thông tin sai sự thật.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm; Doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm do cung cấp thông tin sai sự thật.
  - D. B, C đúng.

### ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM NHÂN THỌ

24. Luật kinh doanh bảo hiểm quy định Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm nhân thọ theo cách:
- A. Đóng một lần theo quy định bắt buộc của Doanh nghiệp bảo hiểm.
  - B. Đóng nhiều lần theo quy định bắt buộc của Doanh nghiệp bảo hiểm.
  - C. Đóng một lần hoặc nhiều lần theo thời hạn, phương thức thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - D. A, B, C sai.





25. Khoảng thời gian khách hàng được doanh nghiệp bảo hiểm cho phép khách hàng chậm đóng phí bảo hiểm tính từ ngày đến hạn nộp phí bảo hiểm được gọi là?
- A. Thời gian chờ để bắt đầu được hưởng quyền lợi bảo hiểm.
  - B. Thời gian tự do xem xét hợp đồng.
  - C. Thời gian gia hạn đóng phí.
  - D. Thời gian miễn truy xét.
26. Chọn đáp án sai:
- A. Phí bảo hiểm là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng cho doanh nghiệp bảo hiểm theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Trong thời hạn gia hạn nộp phí mà bên mua bảo hiểm chưa nộp, nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm thì tổn thất đó không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.
  - C. Phí bảo hiểm có thể thanh toán 1 lần hoặc nhiều kỳ nhưng không quá thời hạn bảo hiểm.
  - D. Trong thời hạn gia hạn nộp phí mà bên mua bảo hiểm chưa nộp, nếu xảy ra tổn thất thì tổn thất đó vẫn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.
27. Trong bảo hiểm con người, nếu bên mua bảo hiểm không đóng hoặc đóng không đủ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:
- A. Khởi kiện đòi bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm.
  - B. Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm.
  - C. A, B đúng.
  - D. A, B sai.
28. Trường hợp không có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm, khi Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm nhân thọ nhiều lần nhưng thời hạn chưa đủ hai năm mà không tiếp tục đóng các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày gia hạn đóng phí thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:
- A. Đơn phương đình chỉ hợp đồng.
  - B. Không phải trả lại phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm đã đóng.
  - C. Trả lại phí bảo hiểm đã đóng sau khi đã trừ đi các chi phí hợp lý để duy trì hợp đồng bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
29. Trường hợp không có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm, khi Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm nhân thọ nhiều lần nhưng thời hạn chưa đủ hai năm mà không tiếp tục đóng các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày gia hạn đóng phí thì:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm có thể khôi phục lại bất kỳ lúc nào nếu Bên mua bảo hiểm đóng đủ số phí bảo hiểm còn thiếu.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm có thể khôi phục trong thời hạn hai năm kể từ khi bị đình chỉ và Bên mua bảo hiểm đóng đủ số phí bảo hiểm còn thiếu.

- C. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm có thể khôi phục trong thời hạn một năm kể từ khi bị đình chỉ và Bên mua bảo hiểm đóng đủ số phí bảo hiểm còn thiếu.
  - D. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt không thể khôi phục lại.
30. Thông thường một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ bị chấm dứt vì không tiếp tục đóng phí bảo hiểm, có thể khôi phục:
- A. Trong vòng 3 năm kể từ khi mất hiệu lực và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm còn thiếu.
  - B. Trong vòng 4 năm kể từ khi mất hiệu lực và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm còn thiếu.
  - C. Tại bất kỳ thời điểm nào kể từ khi mất hiệu lực và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm còn thiếu.
  - D. Trong vòng 2 năm kể từ khi mất hiệu lực và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm còn thiếu.
31. Trường hợp không có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm, khi Bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm nhân thọ từ hai năm trở lên nhưng sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày gia hạn đóng phí, Bên mua bảo hiểm không thể đóng các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì doanh nghiệp bảo hiểm sẽ:
- A. Trả lại giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.
  - B. Trả lại toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm.
  - C. Trả lại 50% phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm.
  - D. Không phải chi trả gì cho Bên mua bảo hiểm.
32. Bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm nhân thọ từ hai năm trở lên, nhưng không thể đóng các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì sau thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gia hạn đóng phí, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng và bên mua bảo hiểm:
- A. Nhận giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Không có quyền đòi lại khoản phí bảo hiểm đã đóng.
  - C. Nhận lại toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng.

## LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

33. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, đáp án nào sau đây đúng:
- A. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là điều khoản không có trong hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm qui định trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền cho người thứ 3 khi người được bảo hiểm gây thiệt hại cho người thứ 3.
  - C. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được qui định theo thông lệ quốc tế, không cần có trong hợp đồng bảo hiểm.



- D. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm qui định trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
34. Các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì:
- A. Không cần quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm và áp dụng theo thông lệ quốc tế.
  - B. Không cần quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm vì pháp luật đã quy định rõ các trường hợp này.
  - C. Không cần quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm mà thực hiện theo các nguyên tắc chung mang tính nội bộ doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. Phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm và được doanh nghiệp bảo hiểm giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng.
35. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong trường hợp nào sau đây:
- A. Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý.
  - B. Bên mua bảo hiểm có lý do chính đáng trong việc chậm thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm.
  - C. A, B sai.
  - D. A, B đúng.
36. Trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm không thực hiện bảo hiểm cho tổn thất nào sau đây:
- A. Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong thời hạn bảo hiểm.
  - B. Người được bảo hiểm bị chết trong thời hạn bảo hiểm.
  - C. Người được bảo hiểm sống đến hết thời hạn bảo hiểm.
  - D. Người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình.
37. Trong Hợp đồng bảo hiểm con người, thông thường doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:
- A. Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn hai năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực do hợp đồng được khôi phục.
  - B. Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn ba năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực do hợp đồng được khôi phục.
  - C. Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn năm năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực do hợp đồng được khôi phục.
  - D. Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn bốn năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực do hợp đồng được khôi phục.
38. Trong hợp đồng bảo hiểm con người, trường hợp Người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ:
- A. Bồi thường quyền lợi tử vong cho Bên mua bảo hiểm.

- B. Trả cho Bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Trả cho Bên mua bảo hiểm toàn bộ số phí bảo hiểm đã đóng sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan.
  - D. B hoặc C.
39. Trường hợp nào dưới đây doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm con người:
- A. Người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình.
  - B. Người được bảo hiểm chết hoặc bị thương tật vĩnh viễn do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm.
  - C. Người được bảo hiểm chết do tự tử sau thời hạn hai năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực.
  - D. Người được bảo hiểm chết do tự tử trong thời hạn hai năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực.

### THÔNG BÁO TUỔI TRONG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

40. Trong hợp đồng bảo hiểm con người, trường hợp bên mua bảo hiểm cung cấp sai tuổi (không cố ý) của người được bảo hiểm làm giảm số phí bảo hiểm phải đóng, nhưng tuổi đúng của người được bảo hiểm thuộc nhóm tuổi có thể được bảo hiểm thì:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm hoàn phí bảo hiểm cho bên mua sau khi đã trừ các khoản chi phí hợp lý.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền yêu cầu bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm bổ sung tương ứng với số tiền bảo hiểm hoặc giảm số tiền bảo hiểm tương ứng với số phí đã đóng theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
41. Trong hợp đồng bảo hiểm con người, trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo sai tuổi (không cố ý) của người được bảo hiểm làm tăng số phí bảo hiểm phải đóng, nhưng tuổi đúng của người được bảo hiểm thuộc nhóm tuổi có thể được bảo hiểm thì:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn trả cho bên mua bảo hiểm số phí bảo hiểm vượt trội đã đóng hoặc tăng số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm tương ứng với số phí bảo hiểm đã đóng.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Doanh nghiệp bảo hiểm hoàn trả số phí bảo hiểm đã đóng cho bên mua bảo hiểm sau khi đã trừ các chi phí hợp lý.

### HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÔ HIỆU

42. Chọn phương án sai về trường hợp hợp đồng bảo hiểm vô hiệu:

- A. Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra.
  - B. Đại lý bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm đã thu của bên mua bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm.
  - D. Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm không tồn tại.
43. Chọn phương án đúng về trường hợp hợp đồng bảo hiểm vô hiệu:
- A. Bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, người thụ hưởng không tồn tại.
  - C. Đại lý bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm đã thu của bên mua bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. A và B.

### CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

44. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ chấm dứt trong các trường hợp nào sau đây:
- A. Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm.
  - B. Bên mua bảo hiểm tham gia một hợp đồng bảo hiểm khác cung cấp quyền lợi tương tự.
  - C. Câu A và B đều đúng.
  - D. Câu A và B đều sai.
45. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự, hợp đồng bảo hiểm còn chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
- A. Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm.
  - B. Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
  - C. Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
46. Đáp án nào dưới đây sai khi nói về trường hợp Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực:
- A. Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm yêu cầu.
  - C. Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
  - D. Bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm trong thời hạn gia hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
47. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm:

- A. Phải hoàn lại phí bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm, sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.
- B. Phải hoàn lại 100% phí bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm.
- C. Phải hoàn lại 50% phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm đã đóng cho toàn bộ hợp đồng bảo hiểm.
- D. Không có trách nhiệm hoàn phí bảo hiểm.

## THAY ĐỔI, CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

48. Phát biểu nào dưới đây sai:

- A. Bên mua bảo hiểm không thể chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm.
- B. Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có thể thỏa thuận sửa đổi, bổ sung phí bảo hiểm, điều kiện, điều khoản bảo hiểm, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.
- C. Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt.
- D. Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

49. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm phải đảm bảo:

- A. Lập thành văn bản.
- B. Thỏa thuận tự nguyện của bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm.
- C. Bằng lời nói.
- D. Cả A và B.

## QUY ĐỊNH VỀ THỜI HẠN

50. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm là:

- A. 6 tháng.
- B. 3 năm.
- C. 2 năm.
- D. 1 năm.

51. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm chứng minh được rằng họ không biết thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm thì thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường là:

- A. 1 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- B. 2 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- C. 2 năm kể từ ngày bên mua bảo hiểm biết việc xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- D. 1 năm kể từ ngày bên mua bảo hiểm biết việc xảy ra sự kiện bảo hiểm.



52. Trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm trong vòng:
- A. 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
  - B. 45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
  - C. 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
  - D. 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
53. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm theo Luật kinh doanh bảo hiểm là:
- A. 2 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
  - B. 4 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
  - C. 1 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
  - D. 3 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

## LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

54. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, các tổ chức kinh doanh bảo hiểm không bao gồm đối tượng nào sau đây:
- A. Công ty TNHH bảo hiểm, công ty cổ phần bảo hiểm.
  - B. Công ty hợp danh.
  - C. Hợp tác xã bảo hiểm.
  - D. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ.
55. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không được phép hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức:
- A. Công ty TNHH môi giới bảo hiểm.
  - B. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ nước ngoài.
  - C. Công ty TNHH bảo hiểm.
  - D. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
56. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, đáp án nào dưới đây đúng khi điền vào chỗ \_\_\_\_\_ của câu sau:
- Văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài \_\_\_\_\_:
- A. Được kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.
  - B. Được kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.
  - C. Được kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.
  - D. Không được kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.

57. Theo Pháp luật kinh doanh bảo hiểm, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện hoạt động nào sau đây:
- A. Nghiên cứu thị trường.
  - B. Kinh doanh bảo hiểm.
  - C. Thúc đẩy và theo dõi việc thực hiện các dự án do doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài tài trợ tại Việt Nam.
  - D. Xúc tiến xây dựng các dự án đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài.

## VỐN PHÁP ĐỊNH

58. Mức vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe là:
- A. 800 tỷ đồng Việt Nam.
  - B. 600 tỷ đồng Việt Nam.
  - C. 300 tỷ đồng Việt Nam.
  - D. 200 tỷ đồng Việt Nam.
59. Mức vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe là:
- A. 300 tỷ đồng Việt Nam.
  - B. 1.000 tỷ đồng Việt Nam.
  - C. 600 tỷ đồng Việt Nam.
  - D. 800 tỷ đồng Việt Nam.
60. Mức vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (bao gồm cả bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe là:
- A. 600 tỷ đồng Việt Nam.
  - B. 1.000 tỷ đồng Việt Nam.
  - C. 800 tỷ đồng Việt Nam.
  - D. 300 tỷ đồng Việt Nam.
61. Mức vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe là:
- A. 800 tỷ đồng Việt Nam.
  - B. 300 tỷ đồng Việt Nam.
  - C. 600 tỷ đồng Việt Nam.
  - D. 1.000 tỷ đồng Việt Nam.

## NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM





62. Theo quy định của Pháp luật hiện hành thì:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không được phép kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và ngược lại.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được phép kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và ngược lại nếu doanh nghiệp có đăng ký với Bộ Tài chính.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được phép kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ nếu đó là sản phẩm bổ trợ cho sản phẩm nhân thọ và ngược lại.
  - D. B, C đúng.
63. Chọn phương án đúng về nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ đều được triển khai:
- A. Bảo hiểm hưu trí.
  - B. Bảo hiểm tài sản.
  - C. Bảo hiểm sức khỏe.
  - D. Không trường hợp nào đúng.
64. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ đều được kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm nào sau đây:
- A. Bảo hiểm hỗn hợp.
  - B. Bảo hiểm hưu trí.
  - C. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính.
  - D. Bảo hiểm sức khỏe.
65. Đơn vị nào dưới đây được phép kinh doanh bảo hiểm sức khỏe?
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.
  - B. Văn phòng doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam.
  - C. Văn phòng doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam.
  - D. A, B, C đúng.
66. Theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, các sản phẩm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ trước khi triển khai phải được:
- A. Đăng ký quy tắc, điều khoản, biểu phí với Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam.
  - B. Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam phê chuẩn quy tắc, điều khoản, biểu phí.
  - C. Đăng ký quy tắc, điều khoản, biểu phí với Bộ Tài chính.
  - D. Bộ Tài chính phê chuẩn quy tắc, điều khoản, biểu phí.

## KHAI THÁC BẢO HIỂM

67. Chọn phương án đúng về các hình thức bán sản phẩm bảo hiểm:
- A. Trực tiếp.
  - B. Đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm.

- C. Thông qua giao dịch điện tử.
  - D. A, B, C đúng.
68. Chọn phương án đúng nhất về hành vi bị cấm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm:
- A. Cấu kết giữa các doanh nghiệp bảo hiểm hoặc giữa doanh nghiệp bảo hiểm với bên mua bảo hiểm nhằm phân chia thị trường bảo hiểm, khép kín dịch vụ bảo hiểm.
  - B. Can thiệp trái pháp luật vào việc lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm.
  - C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ định, yêu cầu, ép buộc, ngăn cản tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
69. Chọn phương án đúng nhất về hành vi bị cấm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm:
- A. Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa nhân viên hoặc khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác.
  - B. Thông tin, quảng cáo sai sự thật về nội dung, phạm vi hoạt động, điều kiện bảo hiểm, làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm.
  - C. Khuyến mại bất hợp pháp.
  - D. A, B, C đúng.
70. Hành vi nào dưới đây bị cấm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm:
- A. Các tổ chức, cá nhân can thiệp trái pháp luật đến quyền lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm của khách hàng.
  - B. Ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa nhân viên hoặc khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác.
  - C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ định, yêu cầu, ép buộc, ngăn cản tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.

## CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

71. Quỹ dự trữ bắt buộc được lập ra nhằm:
- A. Bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán.
  - B. Bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm phá sản.
  - C. Bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán.
  - D. A, B, C đúng.
72. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, đối tượng nào sau đây phải lập quỹ dự trữ bắt buộc:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm.



- C. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm.  
D. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
73. Đáp án nào đúng khi điền vào chỗ \_\_\_\_\_ trong câu dưới đây:  
Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ \_\_\_\_\_ % lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này do Chính phủ quy định.
- A. 5%.  
B. 3%.  
C. 4%.  
D. 2%.
74. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được thành lập nhằm:
- A. Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm trong trường hợp bên mua bảo hiểm có khó khăn về tài chính.  
B. Bảo đảm khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm.  
C. Bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.  
D. Bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm.
75. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được thành lập tại doanh nghiệp bảo hiểm nhằm bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp nào sau đây:
- A. Người được bảo hiểm gặp khó khăn về tài chính, không có khả năng đóng phí bảo hiểm.  
B. Doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.  
C. Người được bảo hiểm gặp rủi ro do chiến tranh, động đất.  
D. Người được bảo hiểm bị thất nghiệp.
76. Đối tượng nào sau đây có trách nhiệm trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.  
B. Đại lý bảo hiểm.  
C. Bên mua bảo hiểm.  
D. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
77. Theo Pháp luật kinh doanh bảo hiểm, đối tượng nào sau đây có trách nhiệm nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm?
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.  
B. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm.  
C. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (trừ doanh nghiệp tái bảo hiểm).  
D. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (trừ doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe).
78. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm không được hình thành từ nguồn nào dưới đây:

- A. Trích nộp hàng năm theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền bảo hiểm áp dụng đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.
  - C. Số dư năm trước của Quỹ được chuyển sang năm sau.
  - D. Trích nộp hàng năm theo tỷ lệ phần trăm trên phí bảo hiểm áp dụng đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm.
79. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được trích lập theo tỷ lệ phần trăm trên khoản tiền nào dưới đây:
- A. Tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại của các Hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính trước liền kề của doanh nghiệp bảo hiểm.
  - B. Số tiền bảo hiểm.
  - C. Dự phòng nghiệp vụ.
  - D. Tổng tài sản.
80. Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hạn mức chi trả tối đa của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm:
- A. 50% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, nhưng không quá 100 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng.
  - B. 90% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, nhưng không quá 100 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng.
  - C. 90% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, nhưng không quá 200 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng.
  - D. 100% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, nhưng không quá 100 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng.

## CHUYỂN GIAO HĐBH GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

81. Theo qui định của Pháp luật, việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm giữa các doanh nghiệp bảo hiểm được thực hiện trong những trường hợp nào sau đây:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm có nguy cơ mất khả năng thanh toán.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm chia, tách, hợp nhất, sát nhập, giải thể.
  - C. Theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
82. Hợp đồng bảo hiểm có thể được chuyển giao giữa các doanh nghiệp bảo hiểm theo phương thức nào dưới đây:
- A. Chuyển giao toàn bộ hợp đồng.
  - B. Chuyển giao một hoặc một số nghiệp vụ bảo hiểm.
  - C. Không được chuyển giao.
  - D. A, B đúng.



83. Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm giữa các Doanh nghiệp bảo hiểm:
- A. Hợp đồng bảo hiểm chuyển giao sẽ thay đổi phí bảo hiểm cho phù hợp với nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp nhận chuyển giao.
  - B. Hợp đồng bảo hiểm chuyển giao sẽ thay đổi điều khoản loại trừ cho phù hợp với nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp nhận chuyển giao.
  - C. Các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao không thay đổi cho đến khi hết thời hạn hợp đồng bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
84. Trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ khi Bộ Tài chính chấp thuận việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm giữa các doanh nghiệp với nhau thì doanh nghiệp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải công bố việc chuyển giao và thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm:
- A. 15 ngày.
  - B. 90 ngày.
  - C. 30 ngày.
  - D. 60 ngày.

## BẢO HIỂM CHO DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

85. Theo qui định của Pháp luật, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có nhu cầu bảo hiểm thì:
- A. Chỉ được tham gia bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động tại Việt Nam.
  - B. Chỉ được tham gia bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.
  - C. Được lựa chọn tham gia bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động tại Việt Nam hoặc sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định của pháp luật.
  - D. Không trường hợp nào đúng.

## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH DOANH BẢO HIỂM

86. Cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm là:
- A. Bộ Công an.
  - B. Bộ Công thương.
  - C. Bộ Tài chính.
  - D. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

## 7. ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

### KHÁI NIỆM ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

1. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, hoạt động giới thiệu, chào bán bảo hiểm, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm và các công việc khác nhằm thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm là:
  - A. Hoạt động giám định.
  - B. Hoạt động bồi thường.
  - C. Hoạt động Môi giới bảo hiểm.
  - D. Hoạt động Đại lý bảo hiểm.
2. Đại lý bảo hiểm là:
  - A. Người được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền thực hiện tất cả các công việc liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm.
  - B. Tổ chức, cá nhân được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền trên cơ sở hợp đồng đại lý bảo hiểm để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
  - C. Người đại diện cho khách hàng.
  - D. A, B, C đúng.
3. Đáp án nào đúng khi điền lần lượt vào chỗ \_\_\_\_\_ trong câu dưới đây:

Đại lý bảo hiểm là \_\_\_\_\_ được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền trên cơ sở hợp đồng đại lý bảo hiểm để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của \_\_\_\_\_.

  - A. Cá nhân/Luật kinh doanh bảo hiểm và các qui định khác của pháp luật có liên quan.
  - B. Tổ chức/Luật kinh doanh bảo hiểm và các qui định khác của pháp luật có liên quan.
  - C. Tổ chức, cá nhân/Luật kinh doanh bảo hiểm và các qui định khác của pháp luật có liên quan.
  - D. Tổ chức, cá nhân/Luật kinh doanh bảo hiểm.
4. Chọn phương án sai về đại lý bảo hiểm:
  - A. Đại lý bảo hiểm là người được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền để thực hiện những công việc liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Đại lý bảo hiểm có thể được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền trả tiền bảo hiểm.
  - C. Đại lý bảo hiểm là người đại diện cho khách hàng tham gia bảo hiểm.
  - D. Đại lý bảo hiểm được hưởng hoa hồng bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả.

### KHÁI NIỆM MÔI GIỚI BẢO HIỂM



5. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, việc cung cấp thông tin, tư vấn cho bên mua bảo hiểm về sản phẩm bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm và các công việc liên quan đến việc đàm phán, thu xếp và thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của bên mua bảo hiểm là:
- A. Hoạt động Môi giới bảo hiểm.
  - B. Hoạt động Đại lý bảo hiểm.
  - C. Hoạt động bồi thường.
  - D. Hoạt động giám định.
6. Chọn phương án sai về môi giới bảo hiểm:
- A. Môi giới có thể được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền thu phí bảo hiểm.
  - B. Môi giới là người đại diện cho khách hàng tham gia bảo hiểm.
  - C. Môi giới được hưởng hoa hồng do doanh nghiệp bảo hiểm trả.
  - D. Môi giới là người đại diện cho doanh nghiệp bảo hiểm.
7. Chọn phương án sai:
- A. Đại lý bảo hiểm là người được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động bảo hiểm, được hưởng hoa hồng đại lý bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả.
  - B. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được hưởng hoa hồng môi giới bảo hiểm từ phí bảo hiểm.
  - C. Môi giới bảo hiểm là người đại diện cho khách hàng tham gia bảo hiểm, được hưởng hoa hồng môi giới bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả.
  - D. Môi giới bảo hiểm là người đại diện cho doanh nghiệp bảo hiểm, được hưởng hoa hồng môi giới bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả.

## NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

8. Đại lý bảo hiểm không được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền tiến hành hoạt động nào dưới đây:
- A. Thu phí bảo hiểm.
  - B. Thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
  - C. Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm.
  - D. Trực tiếp ký kết hợp đồng bảo hiểm.
9. Chọn phương án đúng về công việc đại lý bảo hiểm được làm:
- A. Thay mặt khách hàng ký Giấy yêu cầu bảo hiểm.
  - B. Thay mặt khách hàng ký Giấy nhận tiền bồi thường hoặc trả tiền bảo hiểm.
  - C. Thay mặt DNBH thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
  - D. Không trường hợp nào đúng.
10. Đáp án nào dưới đây sai khi nói về hoạt động mà đại lý bảo hiểm có thể được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền thực hiện:

- A. Giới thiệu, chào bán sản phẩm.
  - B. Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Thu phí bảo hiểm.
  - D. Thay mặt doanh nghiệp bảo hiểm ký kết hợp đồng bảo hiểm với bên mua bảo hiểm.
11. Đại lý bảo hiểm không được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền tiến hành hoạt động nào dưới đây:
- A. Thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
  - B. Giới thiệu, chào bán bảo hiểm.
  - C. Đánh giá rủi ro.
  - D. Thu phí bảo hiểm.
12. Phát biểu nào sau đây là sai về nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm:
- A. Giới thiệu, chào bán bảo hiểm.
  - B. Thu phí bảo hiểm.
  - C. Hỗ trợ giảm phí bảo hiểm hoặc khuyến mại khách hàng tham gia bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
13. Hoạt động nào dưới đây không được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền cho đại lý bảo hiểm thực hiện:
- A. Giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm.
  - B. Thu xếp đồng bảo hiểm.
  - C. Thu phí bảo hiểm.
  - D. Thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm.

## HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

14. Hợp đồng đại lý bảo hiểm phải có những thông tin nào dưới đây:
- A. Tên, địa chỉ của đại lý bảo hiểm; Tên địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm; Nội dung và phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm; Thời hạn hợp đồng bảo hiểm.
  - B. Tên, địa chỉ của đại lý bảo hiểm; Tên địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm; Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm; Nội dung và phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm; Hoa hồng đại lý bảo hiểm; Thời hạn hợp đồng bảo hiểm; Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.
  - C. Tên, địa chỉ của đại lý bảo hiểm; Tên địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm; Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm; Thời hạn hợp đồng bảo hiểm; Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.
  - D. Tên, địa chỉ của đại lý bảo hiểm; Tên địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm; Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm; Nội dung và phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm; Hoa hồng đại lý bảo hiểm. Thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

## ĐIỀU KIỆN TRỞ THÀNH ĐẠI LÝ BẢO HIỂM





15. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, tuổi tối thiểu của cá nhân để trở thành đại lý bảo hiểm là:
- A. Đủ 20 tuổi.
  - B. Đủ 18 tuổi.
  - C. Đủ 16 tuổi.
  - D. Đủ 22 tuổi.
16. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện nào dưới đây:
- A. Là công dân Việt Nam; Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở được Bộ Tài chính chấp thuận cấp.
  - B. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở được Bộ Tài chính chấp thuận cấp.
  - C. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở được Bộ Tài chính chấp thuận cấp.
  - D. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
17. Doanh nghiệp bảo hiểm không được ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm với những đối tượng sau:
- A. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
  - B. Người đang phải chấp hành hình phạt tù.
  - C. Người đang bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội theo quy định của pháp luật.
  - D. A, B, C đúng.
18. Điều kiện để một tổ chức làm đại lý bảo hiểm là:
- A. Là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp.
  - B. Nhân viên trong tổ chức đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo được Bộ Tài chính chấp thuận cấp.
  - C. A, B đúng.
  - D. A, B sai.

## ĐÀO TẠO ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

19. Theo qui định của Pháp luật, chương trình đào tạo Phần kiến thức chung dành cho đại lý bảo hiểm gồm:
- A. Kiến thức chung về bảo hiểm; Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.
  - B. Trách nhiệm của đại lý, đạo đức hành nghề đại lý; Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, đại lý bảo hiểm trong hoạt động đại lý bảo hiểm.
  - C. Kỹ năng bán bảo hiểm.
  - D. Cả A, B, C.

20. Theo qui định của Pháp luật, nội dung nào bắt buộc phải có trong chương trình đào tạo Phần sản phẩm dành cho đại lý bảo hiểm:
- A. Nội dung cơ bản của sản phẩm bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được phép kinh doanh.
  - B. Thực hành nghề đại lý bảo hiểm.
  - C. Đạo đức hành nghề đại lý.
  - D. A, B đúng.
21. Cá nhân đã được cấp chứng chỉ đại lý nhưng không hoạt động đại lý trong thời hạn ba năm liên tục, nếu muốn tiếp tục hoạt động đại lý thì:
- A. Phải thực hiện thi lấy chứng chỉ đại lý mới.
  - B. Không phải thực hiện thi lấy chứng chỉ đại lý mới.
  - C. Không phải thực hiện thi lấy chứng chỉ đại lý mới, tuy nhiên chỉ được bán một số sản phẩm nhất định theo qui định của doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. Không phải thực hiện thi lấy chứng chỉ đại lý mới, tuy nhiên phải được doanh nghiệp bảo hiểm đào tạo lại kiến thức về bảo hiểm.
22. Cá nhân đã được cấp chứng chỉ đại lý nhưng không hoạt động đại lý liên tục thì trong thời hạn bao lâu phải thực hiện việc thi chứng chỉ đại lý mới trước khi hoạt động đại lý?
- A. 3 năm.
  - B. 1 năm.
  - C. 6 tháng.
  - D. 2 năm.

## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

23. Đại lý bảo hiểm có quyền:
- A. Lựa chọn và ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm đối với doanh nghiệp bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật.
  - B. Thay mặt Doanh nghiệp bảo hiểm ký kết hợp đồng với khách hàng.
  - C. Giảm phí bảo hiểm cho các khách hàng thân thiết.
  - D. A, B, C đúng.
24. Đại lý bảo hiểm có quyền nào dưới đây:
- A. Thay mặt khách hàng ký hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm.
  - B. Dùng tiền hoa hồng để giảm phí hoặc khuyến mãi cho khách hàng.
  - C. Lựa chọn và ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
  - D. A, B, C đúng.
25. Đại lý bảo hiểm có thể lựa chọn và ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm với:
- A. Văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam.



- B. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ nước ngoài.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
  - D. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
26. Đáp án nào dưới đây đúng:
- A. Đại lý bảo hiểm có thể sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều khoản bảo hiểm cho phù hợp với tình hình thực tế của khách hàng.
  - B. Hoa hồng đại lý bảo hiểm được chi trả cho bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm.
  - C. Hoa hồng đại lý bảo hiểm được chi trả bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
  - D. Đại lý bảo hiểm có thể lựa chọn và ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
27. Đối tượng nào dưới đây đại lý bảo hiểm không được lựa chọn và ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.
  - B. Văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam.
  - C. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
  - D. Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm.
28. Quyền của đại lý bảo hiểm:
- A. Được hưởng hoa hồng đại lý.
  - B. Ngăn cản bên mua bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Được tư vấn cho khách hàng huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm hiện có để ký hợp đồng bảo hiểm mới.
  - D. Được dùng tiền hoa hồng đại lý của mình để giảm phí hoặc khuyến mại cho khách hàng.
29. Đại lý bảo hiểm có quyền:
- A. Tạm ứng hoặc cho khách hàng vay tiền để đóng phí.
  - B. Dùng tiền hoa hồng để giảm phí hoặc khuyến mãi cho khách hàng.
  - C. Tiết lộ thông tin liên quan đến khách hàng.
  - D. Được hưởng hoa hồng đại lý.
30. Theo qui định của pháp luật hiện hành, phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về quyền của đại lý bảo hiểm:
- A. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm hoàn trả tiền ký quỹ hoặc tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - B. Làm đại lý cho doanh nghiệp bảo hiểm khác mà không cần sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp mình đang làm đại lý.
  - C. Khuyến mại khách hàng dưới hình thức như giảm phí bảo hiểm, hoàn phí bảo hiểm hoặc các quyền lợi khác mà doanh nghiệp bảo hiểm không cung cấp cho khách hàng.
  - D. A, C đúng.

31. Đại lý bảo hiểm không có quyền nào sau đây:
- A. Ký thay khách hàng.
  - B. Hưởng hoa hồng và các quyền, lợi ích hợp pháp khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm.
  - C. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm hoàn trả tiền ký quỹ hoặc thế chấp tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - D. Tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đại lý bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm tổ chức.
32. Phát biểu nào sau đây không thuộc về quyền và nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm:
- A. Đại lý bảo hiểm có thể hứa hẹn giảm phí bảo hiểm, hoàn phí bảo hiểm để khách hàng thích mua bảo hiểm hơn.
  - B. Đại lý bảo hiểm phải thực hiện cam kết trong hợp đồng đại lý bảo hiểm đã ký với doanh nghiệp bảo hiểm.
  - C. Đại lý bảo hiểm có quyền được hưởng hoa hồng và các quyền, lợi ích hợp pháp khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm.
  - D. Đại lý bảo hiểm có quyền được cung cấp thông tin cần thiết cho các hoạt động của mình và các điều kiện khác để thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm.
33. Chọn phương án đúng:
- A. Đại lý bảo hiểm được hưởng hoa hồng bảo hiểm.
  - B. Đại lý bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền ký quỹ hoặc tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - C. Đại lý bảo hiểm là người đại diện cho Bên mua bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
34. Đáp án nào dưới đây đúng:
- A. Đại lý bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng đại lý bảo hiểm đã ký với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
  - B. Đại lý bảo hiểm chỉ chịu sự kiểm tra giám sát của doanh nghiệp bảo hiểm trong việc thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm chứ không có nghĩa vụ chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
  - C. Đại lý bảo hiểm không có nghĩa vụ ký quỹ hoặc thế chấp tài sản cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nếu có thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
35. Đại lý bảo hiểm không có nghĩa vụ nào dưới đây:
- A. Ký quỹ hoặc thế chấp tài sản cho doanh nghiệp bảo hiểm theo thỏa thuận.
  - B. Giới thiệu, mời chào, bán bảo hiểm; cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác cho bên mua bảo hiểm, thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo phạm vi được ủy quyền trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - C. Thực hiện cam kết trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - D. Quyết định chi trả quyền lợi bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.



36. Đại lý bảo hiểm có trách nhiệm:
- A. Giới thiệu, mời chào, bán bảo hiểm, cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác cho bên mua bảo hiểm.
  - B. Thực hiện cam kết trong hợp đồng đại lý bảo hiểm đã ký với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.
  - C. Chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.
  - D. A, B, C đúng.
37. Theo quy định của pháp luật hiện hành, đại lý bảo hiểm không có các nghĩa vụ nào sau đây:
- A. Tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm tổ chức.
  - B. Ký quỹ hoặc thế chấp tài sản cho doanh nghiệp bảo hiểm nếu có thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - C. Chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
  - D. Thực hiện cam kết trong hợp đồng bảo hiểm được ký giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm.
38. Đại lý bảo hiểm có nghĩa vụ nào dưới đây:
- A. Chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
  - B. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
  - C. Chi trả hoa hồng đại lý bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
39. Đại lý bảo hiểm không có quyền và nghĩa vụ nào sau đây:
- A. Cam kết giảm, hoàn phí bảo hiểm cho khách hàng tham gia bảo hiểm.
  - B. Được cung cấp thông tin cần thiết cho các hoạt động của mình và các điều kiện khác để thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm.
  - C. Hưởng hoa hồng và các quyền, lợi ích hợp pháp khác từ hoạt động đại lý bảo hiểm.
  - D. Thực hiện cam kết trong hợp đồng đại lý bảo hiểm đã ký với doanh nghiệp bảo hiểm.

## CÁC HÀNH VI BỊ CẤM ĐỐI VỚI ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

40. Hoạt động nào bị nghiêm cấm đối với đại lý bảo hiểm:
- A. Thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
  - B. Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.
  - C. Thông tin, quảng cáo về nội dung, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. Khuyến mại khách hàng dưới hình thức như giảm phí bảo hiểm, hoàn phí bảo hiểm hoặc các quyền lợi khác mà doanh nghiệp bảo hiểm không cung cấp cho khách hàng.

41. Nghiêm cấm đại lý bảo hiểm:

- A. Thông tin quảng cáo sai sự thật gây tổn hại quyền lợi người mua bảo hiểm.
- B. Ngăn cản bên mua bảo hiểm cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.
- C. Tranh giành khách hàng dưới mọi hình thức, khuyến mại bất hợp pháp hoặc xúi giục khách hàng hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.
- D. A, B, C đúng.

## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

42. Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:

- A. Thực hiện các trách nhiệm theo hợp đồng đại lý bảo hiểm đã ký kết.
- B. Chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động do đại lý bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện.
- C. Thông báo cho Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam danh sách các đại lý bảo hiểm bị doanh nghiệp bảo hiểm chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm do vi phạm pháp luật, qui tắc hành nghề.
- D. A, B, C đúng.

43. Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:

- A. Chi trả tất cả các chi phí khai thác hợp đồng bảo hiểm cho đại lý ngoài hoa hồng bảo hiểm.
- B. Yêu cầu đại lý bảo hiểm phải có tài sản thế chấp.
- C. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại hay tổn thất do hoạt động đại lý bảo hiểm của mình gây ra theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý bảo hiểm.
- D. A, C đúng.

44. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:

- A. Lựa chọn đại lý bảo hiểm và ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm, quy định mức chi trả hoa hồng bảo hiểm trong hợp đồng đại lý bảo hiểm theo các quy định của pháp luật.
- B. Chi hoa hồng đại lý vượt quá tỷ lệ do pháp luật quy định.
- C. Không phải chịu trách nhiệm về hợp đồng bảo hiểm do đại lý thu xếp, giao kết trong trường hợp đại lý bảo hiểm vi phạm hợp đồng đại lý bảo hiểm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm.
- D. Chi hoa hồng bảo hiểm cho việc hỗ trợ giảm phí bảo hiểm cho khách hàng.

45. Theo qui định của Pháp luật hiện hành, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:

- A. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm.
- B. Chấp thuận không cần văn bản khi đại lý bảo hiểm của doanh nghiệp mình đồng thời làm đại lý cho nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác.
- C. Yêu cầu đại lý bảo hiểm phải có Hợp đồng bảo hiểm trước khi được trở thành đại lý chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm.



D. Cả A, B đúng.

46. Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ phải thông báo cho Hiệp hội bảo hiểm:
- A. Danh sách đại lý bảo hiểm đã hoạt động tại doanh nghiệp bảo hiểm từ 5 năm trở lên.
  - B. Danh sách đại lý bảo hiểm không hoạt động.
  - C. Danh sách đại lý bảo hiểm có doanh thu lớn.
  - D. Danh sách các đại lý bảo hiểm bị doanh nghiệp chấm dứt hợp đồng đại lý do vi phạm pháp luật, quy tắc hành nghề.

### TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM KHI ĐẠI LÝ BẢO HIỂM VI PHẠM HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ

47. Trong trường hợp đại lý bảo hiểm vi phạm hợp đồng đại lý bảo hiểm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng thì:
- A. Đại lý bảo hiểm phải có trách nhiệm bồi hoàn trực tiếp cho khách hàng.
  - B. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm về hợp đồng bảo hiểm do đại lý bảo hiểm thu xếp giao kết, đại lý bảo hiểm có trách nhiệm bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm các khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho khách hàng.
  - C. Đại lý bảo hiểm không chịu bất cứ trách nhiệm nào vì khách hàng tham gia bảo hiểm trực tiếp với doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. A hoặc B đúng.
48. Trong trường hợp đại lý bảo hiểm vi phạm hợp đồng đại lý bảo hiểm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm thì:
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm về hợp đồng bảo hiểm do đại lý bảo hiểm thu xếp giao kết.
  - B. Hợp đồng đại lý bảo hiểm tự động chấm dứt.
  - C. Đại lý bảo hiểm có trách nhiệm bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm các khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm.
  - D. A, C đúng.
49. Đáp án nào đúng khi điền vào chỗ \_\_\_\_\_ trong câu dưới đây:
- Trường hợp đại lý bảo hiểm vi phạm hợp đồng đại lý bảo hiểm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm thì \_\_\_\_\_ phải chịu trách nhiệm về hợp đồng bảo hiểm do đại lý bảo hiểm thu xếp giao kết.
- A. Doanh nghiệp bảo hiểm và đại lý bảo hiểm.
  - B. Người mua bảo hiểm.
  - C. Doanh nghiệp bảo hiểm.
  - D. Đại lý bảo hiểm.

### HOA HỒNG BẢO HIỂM

50. Hoa hồng bảo hiểm được trả cho đối tượng nào dưới đây:
- A. Bên mua bảo hiểm.
  - B. Người thụ hưởng bảo hiểm.
  - C. Đại lý bảo hiểm.
  - D. A, B, C đúng.
51. Doanh nghiệp bảo hiểm được chi trả hoa hồng bảo hiểm cho đối tượng nào dưới đây:
- A. Đại lý bảo hiểm.
  - B. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
  - C. Bên mua bảo hiểm.
  - D. A, B đúng.
52. Phát biểu nào sau đây là đúng về hoa hồng bảo hiểm:
- A. Trả cho Bên mua bảo hiểm.
  - B. Trả cho đại lý bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính.
  - C. Trả cho môi giới bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính.
  - D. B, C đúng.
53. Theo pháp luật kinh doanh bảo hiểm, đối tượng được hưởng hoa hồng bảo hiểm bao gồm:
- A. Bên mua bảo hiểm.
  - B. Đại lý bảo hiểm.
  - C. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
  - D. B, C đúng.
54. Chọn đáp án đúng về hoa hồng đại lý bảo hiểm:
- A. Bộ Tài chính quy định tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối thiểu với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm.
  - B. Bộ Tài chính quy định tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối thiểu với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
  - C. Bộ Tài chính quy định mức tỷ lệ hoa hồng giống nhau với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm.
  - D. Bộ Tài chính quy định tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm tối đa đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
55. Hoa hồng đại lý bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ được Bộ Tài chính qui định trả theo tỷ lệ:
- A. Cố định đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
  - B. Tối thiểu tính trên phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
  - C. Cố định đối với tất cả nghiệp vụ bảo hiểm.
  - D. Tối đa tính trên phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
56. Chọn phương án đúng về tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm:





- A. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm được trả theo quy định của pháp luật.
- B. Tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm được trả có thể thấp hơn tỷ lệ do pháp luật quy định.
- C. Ngoài tỷ lệ hoa hồng đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp bảo hiểm có thể trả thêm theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và đại lý bảo hiểm.
- D. A, B đúng.
57. Chọn phương án đúng về tỷ lệ hoa hồng của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân:
- A. Trường hợp nộp phí bảo hiểm định kỳ, tỷ lệ hoa hồng được quy định cho năm hợp đồng thứ nhất và các năm tiếp theo; Trường hợp nộp phí bảo hiểm 1 lần, hoa hồng được quy định theo 1 tỷ lệ cố định.
- B. Trường hợp nộp phí bảo hiểm định kỳ, tỷ lệ hoa hồng được quy định cho năm hợp đồng thứ nhất, thứ hai, thứ ba và các năm tiếp theo; Trường hợp nộp phí bảo hiểm 1 lần, hoa hồng được quy định theo 1 tỷ lệ cố định.
- C. Bất kể thanh toán phí bảo hiểm theo phương thức nào, hoa hồng bảo hiểm được quy định theo 1 tỷ lệ cố định.
- D. Trường hợp nộp phí bảo hiểm định kỳ, tỷ lệ hoa hồng được quy định cho năm hợp đồng thứ nhất, thứ hai, và các năm tiếp theo; Trường hợp nộp phí bảo hiểm 1 lần, hoa hồng được quy định theo 1 tỷ lệ cố định.
58. Chọn phương án đúng về tỷ lệ hoa hồng tối đa đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nhóm:
- A. Bằng 30% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại.
- B. Bằng 50% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại.
- C. Bằng 40% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại.
- D. Bằng 75% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại.
59. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ, phương thức nộp phí bảo hiểm 1 lần là:
- A. 15%.
- B. 30%.
- C. 20%.
- D. 40%.
60. Theo qui định, tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân (phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ) đối với năm hợp đồng thứ nhất là 40%; năm hợp đồng thứ hai là 20%; các năm hợp đồng tiếp theo là 15%, được áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm nào dưới đây:
- A. Bảo hiểm sinh kỳ (thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống).
- B. Bảo hiểm tử kỳ.
- C. Bảo hiểm sinh kỳ (thời hạn bảo hiểm trên 10 năm).

- D. Bảo hiểm trọn đời.
61. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo sinh kỳ, phương thức nộp phí bảo hiểm 1 lần là:
- A. 5%.
  - B. 7%.
  - C. 15%.
  - D. 10%.
62. Theo qui định, tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân (phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ) đối với năm hợp đồng thứ nhất là 15% (thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống), 20% (thời hạn bảo hiểm trên 10 năm) được áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm nào dưới đây:
- A. Bảo hiểm trọn đời.
  - B. Bảo hiểm sinh kỳ.
  - C. Bảo hiểm hỗn hợp.
  - D. Bảo hiểm trả tiền định kỳ.
63. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp, thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống, phương thức nộp phí bảo hiểm 1 lần là:
- A. 5%.
  - B. 10%.
  - C. 15%.
  - D. 7%.
64. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp, thời hạn bảo hiểm từ 10 năm trở xuống, phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ là:
- A. 20% năm hợp đồng thứ nhất; 5% năm hợp đồng thứ 2; 3% các năm hợp đồng tiếp theo.
  - B. 35% năm hợp đồng thứ nhất; 15% năm hợp đồng thứ 2; 10% các năm hợp đồng tiếp theo.
  - C. 40% năm hợp đồng thứ nhất; 20% năm hợp đồng thứ 2; 15% các năm hợp đồng tiếp theo.
  - D. 25% năm hợp đồng thứ nhất; 7% năm hợp đồng thứ 2; 5% các năm hợp đồng tiếp theo.
65. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp, thời hạn bảo hiểm trên 10 năm, phương thức nộp phí bảo hiểm 1 lần là:
- A. 10%.
  - B. 7%.
  - C. 15%.
  - D. 5%.



66. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp, thời hạn bảo hiểm trên 10 năm, phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ là:
- A. 40% năm hợp đồng thứ nhất; 10% năm hợp đồng thứ 2; 10% các năm hợp đồng tiếp theo.
  - B. 30% năm hợp đồng thứ nhất; 5% năm hợp đồng thứ 2; 5% các năm hợp đồng tiếp theo.
  - C. 20% năm hợp đồng thứ nhất; 3% năm hợp đồng thứ 2; 3% các năm hợp đồng tiếp theo.
  - D. 35% năm hợp đồng thứ nhất; 7% năm hợp đồng thứ 2; 7% các năm hợp đồng tiếp theo.
67. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm trọn đời, phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ của năm hợp đồng thứ nhất là:
- A. 15%.
  - B. 20%.
  - C. 40%.
  - D. 30%.
68. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm trọn đời, phương thức nộp phí bảo hiểm 1 lần là:
- A. 5%.
  - B. 10%.
  - C. 7%.
  - D. 15%.
69. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm trả tiền định kỳ, phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ của năm hợp đồng thứ nhất là:
- A. 20%.
  - B. 25%.
  - C. 30%.
  - D. 15%.
70. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân đối với nghiệp vụ bảo hiểm trả tiền định kỳ, phương thức nộp phí bảo hiểm 1 lần là:
- A. 5%.
  - B. 7%.
  - C. 15%.
  - D. 10%.
71. Theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, tỷ lệ hoa hồng tối đa đối với hợp đồng bảo hiểm cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:
- A. 5%.
  - B. 15%.

- C. 10%.
- D. 20%.
72. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn từ 10 năm trở xuống, phương thức nộp phí định kỳ là:
- A. 20% năm hợp đồng thứ nhất, 10% năm HĐ thứ hai, 7% các năm HĐ tiếp theo.
- B. 25% năm hợp đồng thứ nhất, 10% năm HĐ thứ hai, 7% các năm HĐ tiếp theo.
- C. 25% năm hợp đồng thứ nhất, 7% năm HĐ thứ hai, 5% các năm HĐ tiếp theo.
- D. 20% năm hợp đồng thứ nhất, 7% năm HĐ thứ hai, 5% các năm HĐ tiếp theo.
73. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm Liên kết chung, thời hạn trên 10 năm, phương thức nộp phí định kỳ là:
- A. 40% năm hợp đồng thứ nhất, 15% năm HĐ thứ hai, 5% các năm HĐ tiếp theo.
- B. 40% năm hợp đồng thứ nhất, 10% năm HĐ thứ hai, 5% các năm HĐ tiếp theo.
- C. 40% năm hợp đồng thứ nhất, 15% năm HĐ thứ hai, 10% các năm HĐ tiếp theo.
- D. 40% năm hợp đồng thứ nhất, 10% năm HĐ thứ hai, 10% các năm HĐ tiếp theo.
74. Tỷ lệ hoa hồng tối đa của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn từ 10 năm trở xuống, phương thức nộp phí định kỳ, áp dụng đối với năm hợp đồng thứ nhất là:
- A. 25% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 7% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.
- B. 25% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 5% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.
- C. 40% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 7% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.
- D. 40% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 5% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.
75. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn từ 10 năm trở xuống, phương thức nộp phí định kỳ, áp dụng đối với năm hợp đồng thứ nhất là:
- A. 25%.
- B. 10%.
- C. 20%.
- D. 40%.
76. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn trên 10 năm, phương thức nộp phí định kỳ, áp dụng đối với năm hợp đồng năm thứ nhất là:
- A. 25%.
- B. 40%.
- C. 10%.
- D. 20%.



77. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn từ 10 năm trở xuống là:
- A. 10%.
  - B. 7%.
  - C. 5%.
  - D. 15%.
78. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn trên 10 năm, phương thức nộp phí một lần là:
- A. 7%.
  - B. 15%.
  - C. 5%.
  - D. 10%.
79. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đơn vị, thời hạn từ 10 năm trở lên, phương thức nộp phí định kỳ, áp dụng đối với năm hợp đồng thứ nhất là:
- A. 25%.
  - B. 10%.
  - C. 20%.
  - D. 40%.
80. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân, thời hạn từ 10 năm trở lên, phương thức nộp phí một lần là 7% áp dụng với nghiệp vụ:
- A. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị.
  - B. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm trả tiền định kỳ, bảo hiểm liên kết đơn vị.
  - C. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm trả tiền định kỳ, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị.
  - D. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết chung.
81. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân, thời hạn từ 10 năm trở lên, phương thức nộp phí định kỳ, đối với năm hợp đồng thứ nhất là 40% áp dụng với nghiệp vụ:
- A. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị.
  - B. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm trả tiền định kỳ, bảo hiểm liên kết đơn vị.
  - C. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm liên kết đơn vị.
  - D. Bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị.
82. Theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân (phương thức nộp phí định kỳ) là 30% đối với năm hợp đồng thứ nhất, 20% năm hợp đồng thứ hai và 15% đối với các năm hợp đồng tiếp theo được áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm nào dưới đây:
- A. Bảo hiểm hỗn hợp.

- B. Bảo hiểm tử kỳ.  
C. Bảo hiểm trọn đời.  
D. Bảo hiểm trả tiền định kỳ.
83. Tỷ lệ hoa hồng tối đa của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn trên 10 năm, phương thức nộp phí định kỳ, áp dụng đối với năm hợp đồng thứ nhất là:  
A. 25% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 7% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.  
B. 40% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 7% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.  
C. 40% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 5% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.  
D. 25% tính trên phí bảo hiểm định kỳ và 5% tính trên phí bảo hiểm đóng thêm.
84. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn từ 10 năm trở xuống, phương thức nộp phí một lần là:  
A. 5%.  
B. 15%.  
C. 7%.  
D. 10%.
85. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn trên 10 năm là:  
A. 15%.  
B. 10%.  
C. 7%.  
D. 5%.
86. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm đóng thêm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đơn vị, thời hạn từ 10 năm trở lên là:  
A. 10%.  
B. 5%.  
C. 7%.  
D. 15%.
87. Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung, thời hạn trên 10 năm, phương thức nộp phí định kỳ, áp dụng đối với năm hợp đồng năm thứ nhất là:  
A. 40%.  
B. 20%.  
C. 10%.  
D. 25%.



88. Theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân (phương thức nộp phí định kỳ) là 25% đối với năm hợp đồng thứ nhất, 10% năm hợp đồng thứ hai và 7% đối với các năm hợp đồng tiếp theo được áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm nào dưới đây:
- A. Bảo hiểm trọn đời.
  - B. Bảo hiểm trả tiền định kỳ.
  - C. Bảo hiểm tử kỳ.
  - D. Bảo hiểm hỗn hợp.

## CÁC KHOẢN CHI CHO ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

89. Chọn phương án đúng về khoản chi mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép chi cho đại lý bảo hiểm:
- A. Chi khen thưởng, khuyến mại và hỗ trợ đại lý.
  - B. Chi khen thưởng và khuyến mại đại lý.
  - C. Chi khuyến mại và hỗ trợ đại lý.
  - D. Chi khen thưởng và hỗ trợ đại lý.
90. Chọn phương án sai về khoản chi mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép chi cho đại lý bảo hiểm:
- A. Chi khuyến mại.
  - B. Chi khen thưởng.
  - C. Chi hỗ trợ đại lý.
  - D. Chi tuyển dụng đại lý.
91. Khoản chi nào dưới đây không phải là chi quản lý đại lý:
- A. Chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý bảo hiểm.
  - B. Chi tuyển dụng đại lý.
  - C. Chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ.
  - D. Chi công tác phí cho cán bộ doanh nghiệp bảo hiểm.

## 8. SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG CHI TRẢ QUA BA GIAI ĐOẠN MỞ RỘNG

1. Độ tuổi tham gia của Người được bảo hiểm trong “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. 01 tháng - 17 tuổi.
  - B. 18 tuổi - 65 tuổi.

- C. 01 tháng - 65 tuổi.
  - D. 01 tháng - 99 tuổi.
2. Tuổi của Người được bảo hiểm khi đáo hạn “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. 99 tuổi.
  - B. 75 tuổi.
  - C. 65 tuổi.
  - D. 60 tuổi.
3. Thời hạn đóng phí của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. 12 năm.
  - B. 15 năm.
  - C. 20 năm.
  - D. 12 năm hoặc 15 năm hoặc 20 năm, tùy BMBH lựa chọn từ khi tham gia.
4. Quyền lợi trợ cấp mai táng của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. 30 triệu đồng.
  - B. 10% STBH.
  - C. Số tiền nhỏ hơn giữa 30 triệu đồng và 10% STBH.
  - D. Không có đáp án nào đúng.
5. Quyền lợi tử vong của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. Nếu Công ty chưa ra quyết định trả QL bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối và hợp đồng chưa phát sinh QL phiếu tiền mặt an nhân, QL tử vong là tổng của 200% STBH tại thời điểm NĐBH tử vong, bảo tức tích lũy (nếu có) và lãi tích lũy (nếu có).
  - B. Nếu Công ty chưa ra quyết định trả QL bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối và hợp đồng đã phát sinh QL phiếu tiền mặt an nhân, QL tử vong là tổng của 100% STBH tại thời điểm NĐBH tử vong, bảo tức tích lũy (nếu có) và lãi tích lũy (nếu có).
  - C. Nếu Công ty đã ra quyết định trả QL bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối, QL tử vong là tổng của 100% STBH tại thời điểm NĐBH tử vong, bảo tức tích lũy (nếu có) và lãi tích lũy (nếu có).
  - D. Cả ba đáp án trên, tùy từng trường hợp.
6. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng”:
- A. Thời gian chờ 90 ngày.
  - B. Thời gian còn sống 30 ngày.
  - C. Chấm dứt vào ngày kỷ niệm hợp đồng khi NĐBH đủ 75 tuổi.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.





7. Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng (BLNT) giai đoạn sớm của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” quy định:
  - A. Chi trả 25% STBH, tối đa 500 triệu đồng cho mỗi lần chi trả. Tối đa 04 lần chi trả cho giai đoạn sớm trong suốt thời hạn của quyền lợi BLNT.
  - B. Chi trả 25% STBH, tối đa 500 triệu đồng cho mỗi lần chi trả. Tối đa 03 lần chi trả cho giai đoạn sớm trong suốt thời hạn của quyền lợi BLNT.
  - C. Chi trả 50% STBH, tối đa 1 tỷ đồng cho mỗi lần chi trả. Tối đa 02 lần chi trả trong cho giai đoạn sớm suốt thời hạn của quyền lợi BLNT.
  - D. Chi trả 100% STBH. Chỉ chi trả 01 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi BLNT.
8. Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng (BLNT) giai đoạn giữa của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” quy định:
  - A. Chi trả 50% STBH trừ đi các quyền lợi BLNT giai đoạn sớm của cùng một BLNT đã thanh toán trước đó.
  - B. Tối đa 1 tỷ đồng cho mỗi lần chi trả.
  - C. Tối đa 02 lần chi trả trong suốt thời hạn của quyền lợi BLNT miễn không trùng bệnh.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
9. Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng (BLNT) giai đoạn cuối của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” quy định:
  - A. Chi trả 100% STBH trừ đi các quyền lợi BLNT giai đoạn sớm và BLNT giai đoạn giữa của cùng một BLNT đã thanh toán trước đó.
  - B. Tối đa 01 tỷ đồng cho mỗi lần chi trả.
  - C. Tối đa 02 tỷ đồng cho mỗi lần chi trả.
  - D. Sau khi chi trả, quyền lợi BLNT của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” tiếp tục có hiệu lực.
10. Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng (BLNT) bổ sung của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” quy định chi trả 25% STBH nếu:
  - A. NĐBH < 18 tuổi mắc BLNT đối với trẻ em.
  - B. NĐBH  $\geq$  18 tuổi mắc BLNT theo giới tính.
  - C. Khi NĐBH là nữ và  $\geq$  18 tuổi, con của NĐBH này sinh ra trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực bị mắc dị tật bẩm sinh.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
11. Quyền lợi phiếu tiền mặt an nhàn của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” quy định:
  - A. Chi trả nếu NĐBH còn sống và chưa nhận quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối.
  - B. Chi trả 100% STBH trừ đi quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sớm và quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn giữa đã thanh toán, nếu có.
  - C. Phiếu tiền mặt an nhàn sẽ được dùng để cán trừ các khoản nợ (nếu có) của hợp đồng, phần còn lại (nếu có) sẽ được Công ty chi trả cho BMBH hoặc để lại Công ty hưởng lãi.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.

12. Thời điểm xem xét chi trả quyền lợi phiếu tiền mặt an nhân của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. Ngày kỷ niệm hợp đồng khi NĐBH tròn 75 tuổi.
  - B. Ngày kỷ niệm hợp đồng khi NĐBH tròn 99 tuổi.
  - C. Ngày kỷ niệm hợp đồng khi NĐBH tròn 75 tuổi nếu NĐBH  $\leq 55$  tuổi tại ngày cấp hợp đồng hoặc Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 20 nếu NĐBH  $> 55$  tuổi tại ngày cấp hợp đồng.
  - D. Không có đáp án nào đúng.
13. Đối với “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng”, trong trường hợp NĐBH là trẻ em  $< 4$  tuổi tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm nào sẽ được điều chỉnh so với quy định thông thường?
- A. Quyền lợi trợ cấp mai táng.
  - B. Quyền lợi tử vong.
  - C. Các quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng: giai đoạn sớm, giai đoạn giữa, giai đoạn cuối, bệnh lý nghiêm trọng bổ sung.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
14. Chọn đáp án đúng về quyền lợi Bảo tức định kỳ của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng”:
- A. Là quyền lợi cam kết chi trả hàng năm.
  - B. Được cam kết chi trả lần đầu tiên vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ nhất, sau khi phí bảo hiểm năm đầu tiên của hợp đồng đã được đóng.
  - C. Là quyền lợi không cam kết, bắt đầu được chi trả vào ngày kỷ niệm hợp đồng đầu tiên sau khi phí bảo hiểm năm thứ nhất của hợp đồng đã được đóng.
  - D. Là quyền lợi không cam kết, bắt đầu được chi trả vào năm hợp đồng thứ hai sau khi kỳ phí bảo hiểm đầu tiên của năm hợp đồng thứ hai đã được đóng.
15. Quyền lợi bảo tức tri ân của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” quy định:
- A. Chi trả nếu tất cả các khoản phí bảo hiểm đến hạn đã được đóng đầy đủ trong suốt thời hạn đóng phí của hợp đồng.
  - B. Chi trả vào ngày kỷ niệm hợp đồng của năm cuối cùng của thời hạn đóng phí.
  - C. Nếu tuổi của NĐBH  $< 65$  tuổi tại năm cuối cùng của thời hạn đóng phí, chi trả thêm bảo tức tri ân vào mỗi ngày kỷ niệm hợp đồng cho đến khi NĐBH đạt 65 tuổi.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
16. Với bảo tức được chi trả của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng”, BMBH có thể:
- A. Nhận bằng tiền mặt.
  - B. Đóng phí bảo hiểm.
  - C. Để lại Công ty và hưởng lãi.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.



17. Quyền lợi đáo hạn của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” được chi trả vào ngày kỷ niệm hợp đồng khi NĐBH tới tuổi 99 với số tiền là:
- A. 100% STBH tại thời điểm thanh toán + Quyền lợi phiếu tiền mặt an nhàn (nếu có) + Bảo tức tích lũy (nếu có) + Lãi tích lũy (nếu có) – Nợ (nếu có).
  - B. 120% STBH.
  - C. 150% STBH.
  - D. Quyền lợi phiếu tiền mặt an nhàn + Bảo tức tích lũy.
18. Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” sẽ KHÔNG được thanh toán nếu sự kiện bảo hiểm có liên quan trực tiếp đến:
- A. Hành vi vi phạm pháp luật hình sự của NĐBH, BMBH hoặc Người thụ hưởng.
  - B. Tự tử hoặc có hành vi tự tử hoặc bất kỳ trường hợp tự ý gây ra tổn thương, cho dù NĐBH có bị mất trí hay không.
  - C. Các bệnh có sẵn, ngoại trừ những trường hợp đã được kê khai và được sự chấp thuận của Công ty. Nổ hoặc phóng xạ từ vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học và nguyên tử, nhiễm độc phóng xạ từ việc cài đặt hạt nhân và nguyên tử.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
19. Đặc điểm nổi trội của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. Đóng phí 12 năm hoặc 15 năm hoặc 20 năm, bảo hiểm đến tuổi 99.
  - B. Bao gồm các quyền lợi: trợ cấp mai táng, tử vong, bệnh lý nghiêm trọng, phiếu tiền mặt an nhàn, bảo tức (không cam kết), đáo hạn.
  - C. Quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng (BLNT) bao gồm: BLNT giai đoạn sớm, BLNT giai đoạn giữa, BLNT giai đoạn cuối, BLNT bổ sung.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
20. Anh A tham gia “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” và nhiều hợp đồng khác tại Manulife với tổng STBH của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng ở các hợp đồng là 4 tỷ đồng. Trong thời gian các quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng này còn hiệu lực, anh A bị mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sớm. Công ty sẽ xem xét thanh toán:
- A. 500 triệu đồng.
  - B. 1 tỷ đồng.
  - C. 2 tỷ đồng.
  - D. 4 tỷ đồng.
21. Số lần thanh toán tối đa đối với quyền lợi bảo hiểm cho quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. 1 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - B. 4 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - C. 2 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.

- D. 3 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
22. Số lần thanh toán tối đa đối với quyền lợi bảo hiểm cho quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn giữa của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. 1 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - B. 2 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - C. 3 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - D. 4 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
23. Điều kiện để chi trả quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. Ngày mà người được bảo hiểm được chẩn đoán hoặc điều trị hoặc có bất kỳ dấu hiệu hoặc triệu chứng nào của bệnh lý nghiêm trọng sau 90 ngày kể từ ngày cấp hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy thuộc vào ngày nào đến sau.
  - B. Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 30 ngày kể từ ngày người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bất kỳ bệnh lý nghiêm trọng nào.
  - C. Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 90 ngày kể từ ngày người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bất kỳ bệnh lý nghiêm trọng nào.
  - D. Cả A và B.
24. Số lần thanh toán tối đa đối với quyền lợi bảo hiểm cho quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sớm của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. 1 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - B. 2 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - C. 3 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
  - D. 4 lần trong suốt thời hạn của quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng.
25. Điều kiện chi trả quyền lợi trợ cấp mai táng của “Sản phẩm bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng chi trả qua ba giai đoạn mở rộng” là:
- A. Sự kiện tử vong xảy ra trong thời gian hợp đồng có hiệu lực và sau 90 ngày kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng, tùy thuộc ngày nào đến sau và nguyên nhân tử vong không thuộc loại trừ bảo hiểm.
  - B. Sự kiện tử vong xảy ra trong thời gian hợp đồng có hiệu lực và sau 1 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng, tùy thuộc ngày nào đến sau và nguyên nhân tử vong không thuộc loại trừ bảo hiểm.
  - C. Sự kiện tử vong xảy ra trong thời gian hợp đồng có hiệu lực và sau 2 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng, tùy thuộc ngày nào đến sau và nguyên nhân tử vong không thuộc loại trừ bảo hiểm.
  - D. Sự kiện tử vong xảy ra trong thời gian hợp đồng có hiệu lực và sau 60 ngày kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng, tùy thuộc ngày nào đến sau và nguyên nhân tử vong không thuộc loại trừ bảo hiểm.



## 9. CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ

### TRỢ CẤP Y TẾ – ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

- SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn” sẽ hết thời hạn bảo hiểm khi:
  - NĐBH của SPBT này đủ 70 tuổi.
  - Công ty không đồng ý tái tục SPBT này.
  - BMBH yêu cầu chấm dứt SPBT này.
  - A hoặc B hoặc C.
- Phát biểu nào sau đây là đúng về SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn”:
  - Có giá trị hoàn lại.
  - Phí bảo hiểm không đổi trong suốt thời hạn đóng phí.
  - Khách hàng có thể tham gia thêm trong vòng 6 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng sản phẩm chính.
  - A, B, C đều đúng.
- Đối với SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn”, trong thời gian chờ 30 ngày, trường hợp nào vẫn được xem xét thanh toán quyền lợi trợ cấp nằm viện?
  - Người được bảo hiểm của SPBT này nằm viện do tai nạn.
  - Người được bảo hiểm của SPBT này nằm viện do bệnh hiểm nghèo.
  - A và B đúng.
  - A và B sai.
- Số ngày tối đa trong mỗi năm hợp đồng mà khách hàng được nhận quyền lợi trợ cấp nằm viện khi tham gia SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn” là:
  - 365 ngày.
  - 30 ngày.
  - 90 ngày.
  - 120 ngày.
- Anh C tham gia SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn” với STBH 300 ngàn đồng. Sau 1 năm, trong thời gian SPBT này còn hiệu lực, anh C nằm bệnh viện của thành phố 2 ngày tại Khoa chăm sóc đặc biệt và 5 ngày tại khoa thường. Tính số tiền Công ty sẽ xem xét thanh toán cho SPBT này sau lần nằm viện này của anh C:
  - 1,5 triệu đồng.
  - 2,7 triệu đồng.
  - 2,1 triệu đồng.
  - 3 triệu đồng.

6. Anh E tham gia SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn”. Một năm sau, khi SPBT này còn hiệu lực, anh E nằm viện để phẫu thuật hở hàm ếch. Trong trường hợp này:
- A. Công ty thanh toán quyền lợi trợ cấp nằm viện.
  - B. Công ty không thanh toán quyền lợi trợ cấp nằm viện do nguyên nhân nằm viện thuộc điều khoản loại trừ.
  - C. Công ty hoàn lại phí bảo hiểm và hợp đồng chấm dứt hiệu lực.
  - D. Các đáp án A, B, C đều sai.
7. Chị F tham gia SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn”. Hai năm sau, khi SPBT này còn hiệu lực, chị F bị rối loạn tiền đình và nằm viện 10 ngày. Trường hợp này, Công ty sẽ:
- A. Không thanh toán do nguyên nhân nằm viện thuộc điều khoản loại trừ.
  - B. Thanh toán 10 ngày nằm viện.
  - C. Thanh toán 5 ngày nằm viện nếu nằm tại Trung tâm y tế hoặc bệnh viện không trực thuộc Bộ Y tế quản lý.
  - D. B hoặc C đúng.
8. Phát biểu nào sau đây là đúng về SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn”?
- A. Được xem xét tái tục hàng năm.
  - B. Công ty có quyền từ chối tái tục SPBT này, ngay cả khi đã hết thời hạn đóng phí.
  - C. Nếu SPBT này bị từ chối tái tục, Công ty sẽ trả lại cho khách hàng giá trị hoàn lại của SPBT này (nếu có).
  - D. A, B, C đúng.
9. Anh G tham gia SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn” với STBH 300 ngàn đồng. Phát biểu nào sau đây là đúng về quyền lợi trợ cấp nằm viện theo SPBT này của anh G?
- A. Quyền lợi trợ cấp nằm viện 300 ngàn đồng/ngày. Thanh toán tối đa 300 ngày/năm HĐ.
  - B. Quyền lợi trợ cấp nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt 300 ngàn đồng/ngày.
  - C. Tổng số ngày được thanh toán theo quyền lợi trợ cấp nằm viện và quyền lợi trợ cấp nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt tối đa là 1000 ngày cho toàn thời hạn hợp đồng.
  - D. Nếu anh G nằm viện tại các trung tâm y tế cấp quận/huyện hoặc các bệnh viện không trực thuộc sự quản lý của Bộ Y tế, xem xét thanh toán tối đa 50 ngày/lần nằm viện.
10. Quyền lợi “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn” sẽ được chi trả cho ai khi sự kiện bảo hiểm xảy ra?
- A. Người được bảo hiểm.
  - B. BMBH, nếu BMBH là cá nhân; hoặc NDBH của sản phẩm bảo hiểm chính trong trường hợp BMBH là tổ chức.
  - C. Bên mua bảo hiểm.
  - D. Người thụ hưởng.
11. Cháu D 1 tuổi tham gia SPBT “Trợ cấp y tế - Đóng phí ngắn hạn” STBH 200 ngàn đồng. Lúc cháu D được 2 tuổi 3 tháng, cháu nằm viện 15 ngày tại bệnh viện của thành phố để điều trị viêm phổi. Trường hợp này, Công ty sẽ:



- A. Thanh toán 60% của quyền lợi nằm viện trong 10 ngày, tức 1.2 triệu đồng, do cháu A dưới 3 tuổi.
- B. Thanh toán đủ 15 ngày nằm viện, tức 3 triệu đồng.
- C. Thanh toán tối đa theo nhóm bệnh hô hấp là 10 ngày nằm viện, tức 2 triệu đồng.
- D. Không thanh toán do rủi ro thuộc điều khoản loại trừ.

## TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN – ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

1. Thời hạn bảo hiểm của SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn” là:
  - A. Đến khi NĐBH của SPBT này đủ 70 tuổi.
  - B. Đến khi HĐBH đáo hạn.
  - C. Đến khi HĐBH chuyển thành Bảo Hiểm Giảm.
  - D. A hoặc B hoặc C tùy trường hợp nào xảy ra trước.
2. Công ty bồi thường 300% STBH trong trường hợp nào khi khách hàng tham gia SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn”?
  - A. NĐBH tử vong do tai nạn máy bay khi đang là hành khách có mua vé trên một chuyến bay thương mại.
  - B. NĐBH tử vong do tai nạn giao thông khi đang là hành khách có mua vé trên các phương tiện giao thông công cộng.
  - C. NĐBH tử vong do tai nạn thang máy khi đang di chuyển bằng thang máy (ngoại trừ những người đang làm nhiệm vụ sửa chữa/bảo trì thang máy).
  - D. NĐBH tử vong do hậu quả trực tiếp của hỏa hoạn xảy ra tại các tòa nhà công cộng.
3. Công ty bồi thường 200% STBH trong trường hợp nào khi khách hàng tham gia SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn”?
  - A. NĐBH tử vong do tai nạn giao thông khi đang là hành khách có mua vé trên các phương tiện giao thông công cộng.
  - B. NĐBH tử vong do tai nạn thang máy khi đang di chuyển bằng thang máy (ngoại trừ những người đang làm nhiệm vụ sửa chữa/bảo trì thang máy).
  - C. NĐBH tử vong do hậu quả trực tiếp của hỏa hoạn xảy ra tại các tòa nhà công cộng.
  - D. A, B, C đều đúng.
4. Đối với SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn”, Công ty sẽ bồi thường như thế nào khi Người được bảo hiểm bị THƯƠNG TẬT do tai nạn?
  - A. Theo tỷ lệ % STBH được quy định trong hợp đồng tùy theo loại thương tật.
  - B. Tối đa chi trả cho quyền lợi này là 100% STBH.
  - C. Nếu cùng một tai nạn gây ra từ hai tình trạng thương tật trở lên, sẽ thanh toán cho 1 tình trạng thương tật có mức chi trả cao nhất.
  - D. A, B, C đều đúng.



5. Anh A tham gia SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 200 triệu đồng. Khi SPBT này còn hiệu lực, anh A bị tai nạn hỏng cả hai mắt không thể phục hồi. Công ty sẽ xem xét bồi thường quyền lợi của SPBT này là:
- A. Không bồi thường.
  - B. 100 triệu đồng, và SPBT này chấm dứt.
  - C. 200 triệu đồng, và SPBT này chấm dứt.
  - D. 200 triệu đồng, và SPBT này tiếp tục có hiệu lực với QL tử vong do tai nạn.
6. Anh B tham gia SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 500 triệu đồng. 3 tháng sau, anh B bị thương nhẹ ở chân do tai nạn và phải nhập viện để điều trị. Trong thời gian nằm viện, anh B bị nhiễm cúm và tử vong do cúm. Công ty sẽ xem xét bồi thường theo SPBT này số tiền là:
- A. 500 triệu đồng.
  - B. 1 tỷ đồng.
  - C. 250 triệu đồng.
  - D. Không bồi thường.
7. Anh C tham gia SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 400 triệu đồng. Trong thời gian SPBT này còn hiệu lực, anh C bị tai nạn hỏng một mắt và Công ty đã bồi thường cho anh C. Sau đó, cũng trong thời hạn hiệu lực của SPBT này, anh C tử vong do tai nạn khi đi xe buýt có mua vé. Công ty sẽ xem xét bồi thường theo SPBT này:
- A. 800 triệu đồng.
  - B. 400 triệu đồng.
  - C. Không bồi thường.
  - D. 600 triệu đồng.
8. Anh D tham gia SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 500 triệu đồng. Khi SPBT này còn hiệu lực, anh D bị tai nạn gãy chân phải bó bột 1 tháng. Công ty sẽ xem xét bồi thường quyền lợi của SPBT này số tiền là:
- A. Không bồi thường.
  - B. 250 triệu đồng.
  - C. 500 triệu đồng.
  - D. 750 triệu đồng.
9. Ông E tham gia SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 200 triệu đồng. Khi SPBT này còn hiệu lực, trong một vụ tai nạn lao động, ông E bị hỏng hoàn toàn 1 mắt và mất 1 ngón tay cái. Công ty sẽ xem xét bồi thường theo SPBT này số tiền là:
- A. 40 triệu đồng.
  - B. 100 triệu đồng.
  - C. 140 triệu đồng.
  - D. 200 triệu đồng.





10. Phát biểu nào sau đây là ĐÚNG về điều khoản loại trừ của SPBT “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn”?
- A. NĐBH tự tử hoặc có hành vi tự tử hoặc bất kỳ trường hợp tự ý gây ra tổn thương cho dù NĐBH có bị mất trí hay không.
  - B. Các hành vi phạm tội của NĐBH, BMBH hoặc của Người thụ hưởng.
  - C. NĐBH tự ý sử dụng bất kỳ loại thuốc kích thích, ma túy, các chất có cồn, chất gây nghiện, chất độc hoặc thuốc không theo chỉ định của bác sĩ.
  - D. A, B, C đều đúng.
11. Cháu F tham gia QLBH tăng cường “Tử vong và thương tật do tai nạn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 300 triệu đồng. Trong thời gian SPBT này còn hiệu lực, cháu F bị tử vong vì tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên xe buýt, lúc đó cháu F tròn 2 tuổi. Số tiền Công ty sẽ xem xét bồi thường theo SPBT này là:
- A. 180 triệu đồng.
  - B. 360 triệu đồng.
  - C. 300 triệu đồng.
  - D. 600 triệu đồng.

## THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN – ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

1. Tuổi tham gia tối thiểu của SPBT “Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – Đóng phí ngắn hạn” là:
- A. 01 tuổi.
  - B. 01 tháng tuổi.
  - C. 58 tuổi.
  - D. 18 tuổi.
2. Trong SPBT “Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – Đóng phí ngắn hạn”, khái niệm “thương tật toàn bộ và vĩnh viễn” được định nghĩa là:
- A. Mất hoàn toàn hoặc liệt hoàn toàn và vĩnh viễn: cả hai tay; hoặc cả hai chân; hoặc thị lực cả hai mắt; hoặc một tay và một chân; hoặc một tay (hoặc một chân) và thị lực một mắt.
  - B. Bị thương tật đạt tỷ lệ trên 80% theo quy định về tiêu chuẩn thương tật có hiệu lực vào thời điểm xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.
  - C. A và B đúng.
  - D. A và B sai.
3. Anh A tham gia SPBT “Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 300 triệu đồng. Sáu (6) tháng sau, anh A bị tai nạn lao động và mất 85% sức lao động theo kết quả giám định của hội đồng y khoa thành phố được tiến hành 180 ngày sau đó. Công ty sẽ xem xét bồi thường theo SPBT này số tiền là:
- A. Không bồi thường.
  - B. 300 triệu đồng.
  - C. 50% của 300 triệu đồng.

- D. 85% của 300 triệu đồng.
4. Anh C tham gia SPBT “Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – Đóng phí ngắn hạn” với STBH 300 triệu đồng. 6 tháng sau, khi SPBT này còn hiệu lực, anh C bị tai nạn mất thị lực cả hai mắt trong một vụ đua xe. Công ty sẽ xem xét bồi thường theo SPBT này số tiền là:
- A. Không bồi thường.  
B. 30 triệu đồng.  
C. 150 triệu đồng.  
D. 300 triệu đồng.
5. Với SPBT “Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – Đóng phí ngắn hạn”, phát biểu nào sau đây là ĐÚNG:
- A. Công ty chi trả quyền lợi cho BMBH nếu BMBH là cá nhân, hoặc NĐBH của QL BH chính trong trường hợp BMBH là tổ chức.  
B. Thời gian chờ hiệu lực của SPBT này là 90 ngày tính từ ngày cấp hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của SPBT này, tùy thuộc vào ngày nào đến sau.  
C. A và B sai.  
D. A và B đúng.
6. Với SPBT “Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn – Đóng phí ngắn hạn”, phát biểu nào sau đây là SAI:
- A. Kết quả giám định tình trạng thương tật (hồ sơ yêu cầu bồi thường) phải do Hội đồng y khoa cấp tỉnh hoặc cơ quan tương đương theo quy định của pháp luật cấp.  
B. Trong thời gian SPBT này còn hiệu lực, nếu NĐBH bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn ở bất kỳ độ tuổi nào, Công ty sẽ xem xét thanh toán 100% STBH của SPBT này.  
C. SPBT này sẽ chấm dứt đối với từng NĐBH khi Công ty chấp nhận thanh toán SPBT này cho NĐBH đó.  
D. Công ty sẽ không thanh toán SPBT này nếu như sự kiện bảo hiểm có liên quan đến các tình trạng tồn tại trước.
7. SPBT “Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn - Đóng phí ngắn hạn” sẽ chấm dứt khi:
- A. NĐBH của SPBT này đạt 70 tuổi.  
B. HĐBH bị mất hiệu lực, bị chấm dứt, bị hủy bỏ, đáo hạn, chuyển thành HĐBH Giảm.  
C. BMBH yêu cầu chấm dứt SPBT này.  
D. A hoặc B hoặc C, chọn sự kiện xảy ra sớm nhất.

## TỬ VONG – ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN

1. Tuổi kết thúc của SPBT “Tử vong – Đóng phí ngắn hạn” là:
- A. Đến khi NĐBH của SPBT này đủ 70 tuổi.  
B. Đến khi HĐBH đáo hạn.  
C. Khi HĐBH chuyển thành Bảo Hiểm Giảm.  
D. A hoặc B hoặc C tùy trường hợp nào xảy ra trước.
2. Quyền lợi của SPBT “Tử vong – Đóng phí ngắn hạn” là:



- A. 100% STBH của SPBT này khi NĐBH bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
  - B. 100% STBH của SPBT này khi NĐBH tử vong.
  - C. 100% STBH của SPBT này khi NĐBH tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
  - D. Các đáp án A, B, C đều sai.
3. Công ty bồi thường 100% STBH trong trường hợp nào khi khách hàng tham gia SPBT “Tử vong – Đóng phí ngắn hạn”:
- A. Khi NĐBH bị mắc bệnh lý nghiêm trọng.
  - B. Khi NĐBH bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
  - C. Khi NĐBH tử vong.
  - D. Không đáp án nào đúng.
4. Khi tham gia SPBT “Tử vong – Đóng phí ngắn hạn”, Công ty sẽ xem xét bồi thường bao nhiêu nếu Người được bảo hiểm gặp rủi ro tử vong thuộc phạm vi bảo hiểm của sản phẩm này:
- A. 100% STBH.
  - B. 120% STBH.
  - C. 150% STBH.
  - D. 200% STBH.
5. Phát biểu nào là SAI với SPBT “Tử vong – Đóng phí ngắn hạn”:
- A. Công ty bồi thường nếu NĐBH tử vong do bệnh hiểm nghèo trong thời gian SPBT này còn hiệu lực.
  - B. Công ty bồi thường nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong thời gian SPBT này còn hiệu lực.
  - C. Công ty bồi thường nếu NĐBH tử vong do tự tử trong vòng 2 năm kể từ ngày SPBT này có hiệu lực.
  - D. Công ty bồi thường nếu NĐBH tử vong do tuổi già trong thời gian SPBT này còn hiệu lực.
6. Trường hợp nào khách hàng không/chưa thỏa điều kiện nhận bồi thường khi tham gia SPBT “Tử vong – Đóng phí ngắn hạn”:
- A. NĐBH bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
  - B. NĐBH tử vong do liên quan đến HIV, AIDS.
  - C. NĐBH tử vong khi SPBT này đã hết hiệu lực.
  - D. A, B, C đều đúng.
7. Tuổi tham gia SPBT “Tử vong – Đóng phí ngắn hạn” là:
- A. 18 tuổi – 60 tuổi.
  - B. 01 tháng tuổi – (70 tuổi trừ thời hạn đóng phí).
  - C. 01 tháng tuổi - 60 tuổi.
  - D. 01 tháng tuổi – 70 tuổi.

8. Phát biểu nào sau đây là đúng về SPBT “Tử vong - Đóng phí ngắn hạn”:
- A. Có giá trị hoàn lại.
  - B. Phí bảo hiểm thường không đổi trong suốt thời hạn đóng phí.
  - C. Khách hàng có thể tham gia thêm trong vòng 6 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng sản phẩm chính.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.

### MIỄN NỘP PHÍ BẢO HIỂM DÀNH CHO BMBH

1. Độ tuổi tối đa của BMBH khi tham gia SPBT “Miễn nộp phí BH dành cho BMBH” là:
- A. 60 tuổi.
  - B. (70 tuổi trừ thời hạn đóng phí).
  - C. 70 tuổi.
  - D. 75 tuổi.
2. Thời hạn bảo hiểm của SPBT “Miễn nộp phí BH dành cho BMBH” là:
- A. Đến khi NĐBH chính 70 tuổi.
  - B. Đến khi BMBH 70 tuổi.
  - C. Đến hết thời hạn đóng phí của sản phẩm chính.
  - D. Đến hết thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.
3. Theo SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH”, Công ty sẽ xem xét miễn phí bảo hiểm cho đến khi hết thời hạn đóng phí của HDBH trong trường hợp nào sau đây?
- A. BMBH mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sớm.
  - B. BMBH mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn giữa.
  - C. BMBH mắc 1 trong 45 bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối.
  - D. A, B, C đúng.
4. Phát biểu nào là đúng về quyền lợi của SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH”:
- A. Miễn nộp phí BH khi BMBH bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
  - B. Miễn nộp phí BH khi BMBH tử vong.
  - C. Miễn nộp phí BH khi BMBH mắc 1 trong 45 bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối theo điều khoản.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
5. SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH” sẽ chấm dứt khi:
- A. HDBH bị mất hiệu lực, bị chấm dứt, bị hủy bỏ, chuyển thành HDBH Giảm.
  - B. BMBH yêu cầu chấm dứt SPBT này.
  - C. Thời hạn đóng phí của hợp đồng sản phẩm chính kết thúc.
  - D. A hoặc B hoặc C, chọn sự kiện đến trước.



6. SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH” quy định:
- A. Nếu BMBH tử vong hoặc mắc 1 trong 45 bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối theo điều khoản, Công ty sẽ xem xét miễn phí bảo hiểm cho các kỳ phí BH đến hạn của HĐBH, bắt đầu từ kỳ phí BH tiếp theo sau ngày BMBH tử vong hoặc được chẩn đoán là mắc bất kỳ BLNT giai đoạn cuối nào cho đến khi hết thời hạn đóng phí của HĐBH.
  - B. Sau khi Công ty chấp thuận thanh toán SPBT này thì quyền tăng STBH, quyền tham gia thêm (các) SPBT, quyền chuyển đổi HĐBH thành HĐBH Giảm được quy định tại HĐBH sẽ không được áp dụng nữa.
  - C. Đáp án A và B đúng.
  - D. Đáp án A và B sai.
7. Điều khoản loại trừ của SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH” bao gồm:
- A. Bệnh có sẵn, ngoại trừ những trường hợp đã được kê khai và được Công ty chấp thuận.
  - B. Tự ý sử dụng thuốc kích thích, ma túy.
  - C. Khiếm khuyết hoặc bệnh bẩm sinh.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
8. Điều khoản loại trừ của SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH” sẽ được áp dụng trong trường hợp nào?
- A. BMBH tham gia các hoạt động thể thao có tính chất nguy hiểm.
  - B. BMBH bị tổn thương khi vi phạm pháp luật.
  - C. BMBH tự tử hoặc có hành vi tự tử cho dù có bị mất trí hay không.
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
9. Trong hợp đồng có tham gia SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH”, nếu BMBH bị tử vong, Công ty sẽ xem xét miễn phí bảo hiểm cho các kỳ phí đến hạn tiếp theo của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm:
- A. Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính.
  - B. Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ cho NĐBH chính (nếu có).
  - C. Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ cho người phụ thuộc (nếu có).
  - D. Tất cả các đáp án đều đúng.
10. Anh A (là BMBH) tham gia hợp đồng sản phẩm chính cho con là NĐBH với STBH 500 triệu đồng và đính kèm SPBT “Miễn nộp phí bảo hiểm dành cho BMBH”. Hai năm sau, khi hợp đồng có hiệu lực, anh A bị mắc 1 trong 45 bệnh lý nghiêm trọng theo điều khoản. Công ty sẽ xem xét:
- A. Chi trả 500 triệu đồng.
  - B. Chi trả 500 triệu đồng + bảo tức và lãi tích lũy nếu có.
  - C. Miễn nộp phí bảo hiểm cho các kỳ phí tiếp theo của hợp đồng cho tới hết thời hạn đóng phí của sản phẩm chính.
  - D. Chi trả 500 triệu đồng và miễn nộp phí bảo hiểm cho các kỳ phí tiếp theo của hợp đồng cho tới hết thời hạn bảo hiểm./.

## 10. ĐÁP ÁN

### 1. ĐẠO ĐỨC NGHỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
C	D	B	C	A	A	C	A	D	B	C

### 2. THUẬT NGỮ BẢO HIỂM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	C	C	D	B	A	B	A	A	B
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	C	C	C	D	D	C	A	A	B
21									
C									

### 3. NGUYÊN TẮC BẢO HIỂM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
C	B	D	D	C	C	C	D	A	B	A

### 4. PHÂN LOẠI BẢO HIỂM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	A	B	A	C	D	C	D	D	B
11	12	13							
D	B	D							

### 5. BẢO HIỂM NHÂN THỌ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----



D	B	C	B	B	A	A	B	B	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	A	C	A	B	A	C	A	C	A
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
B	A	A	C	B	C	B	A	A	D
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A	A	D	C	D	A	A	B	C	A
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
C	C	D	B	B	A	C	A	B	A
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
D	B	B	C	D	D	A	D	C	A
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
C	D	D	D	C	C	A	B	B	C
71	72	73	74						
B	C	A	D						

## 6. LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	C	D	B	D	D	C	D	D	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	D	C	C	C	C	A	D	D	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	A	B	C	C	B	B	D	B	D
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A	A	D	D	D	D	A	D	C	D
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
B	B	A	A	D	B	A	A	D	D

51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
D	A	D	B	B	D	B	C	C	C
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
D	A	C	D	A	D	D	D	D	D
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
A	D	A	C	B	A	C	A	A	C
81	82	83	84	85	86				
D	D	C	C	C	C				

## 7. ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	B	C	C	A	D	D	D	C	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	C	B	B	B	C	D	C	D	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	A	A	C	C	D	B	A	D	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A	A	D	A	D	D	D	D	A	D
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
D	D	C	A	A	D	B	D	C	C
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
D	D	D	D	D	D	D	B	A	B
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
A	B	A	D	B	A	D	B	B	B
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
D	C	D	B	A	B	C	A	D	C
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90





D	C	B	A	C	C	A	B	D	A
91									
D									

## 8. SPBH BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG CHI TRẢ QUA BA GIAI ĐOẠN MỞ RỘNG

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	A	D	C	D	D	A	D	A	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	C	D	D	D	D	A	D	D	A
21	22	23	24	25					
A	B	D	D	B					

## 9. CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ

### “TRỢ CẤP Y TẾ – ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN”

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D	D	A	A	B	B	A	D	C	B	C

### “TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN – ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN”

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D	A	D	D	C	D	D	A	B	D	B

### “THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN – ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN”

1	2	3	4	5	6	7
B	C	B	A	D	B	D

### “TỬ VONG - ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN”

1	2	3	4	5	6	7	8
D	B	C	A	C	D	B	D

“MIỄN NỘP PHÍ BẢO HIỂM DÀNH CHO BÊN MUA BẢO HIỂM”

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
B	C	C	D	D	C	D	D	D	C



**CHÚC CÁC ANH CHỊ ÔN TẬP VÀ THI ĐẠT KẾT QUẢ TỐT!**



# CHÍNH TRỰC TÍNH THÔNG TÔN TRỌNG TRÁCH NHIỆM

Nâng tầm **giá trị**  
và tính **chuyên nghiệp**  
cho đội ngũ tư vấn tài chính vì  
**lợi ích tối ưu** của khách hàng



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGHIỆP

Cung cấp nguồn lực và các chương trình phát triển sự nghiệp dành cho đội ngũ kinh doanh của MANULIFE



Manulife